

Nhan Dan, 26 March, 2005, accessed 26 March 2005 at
<http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=37&sub=50&article=27993>

Cập nhật 16:05 ngày 26-03-2005



**Ba tướng lĩnh chế độ Sài Gòn gặp gỡ báo chí quốc tế:
"Hạnh phúc vì xã hội hòa hợp, kinh tế phát triển"**

*Từ trái sang: các ông
Triệu Quốc Mạnh, Nguyễn Hữu Hạnh,
Nguyễn Hữu Cò và nhà nghiên cứu
Nguyễn Đình Đầu trong buổi họp báo.*

Sáng 25-3, ba tướng lĩnh của chế độ Sài Gòn trước năm 1975 Nguyễn Hữu Cò, Nguyễn Hữu Hạnh và Triệu Quốc Mạnh cùng nhà nghiên cứu lịch sử Nguyễn Đình Đầu đã có cuộc tiếp xúc với các nhà báo nước ngoài tại Sở Ngoại vụ TP Hồ Chí Minh.

Các nhà báo đã đặt nhiều câu hỏi với bốn nhân vật trên xoay quanh những thời khắc cuối cùng của ngày 30-4-1975, quá trình học tập cải tạo, cuộc sống trong 30 năm qua và những suy nghĩ về thời đại.

Ông Nguyễn Hữu Hạnh, nguyên chuẩn tướng, phụ tá tổng tham mưu trưởng quân đội Sài Gòn của Việt Nam Cộng hòa, kể lại: khi ông Dương Văn Minh được quân giải phóng yêu cầu đến đài phát thanh để đọc tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, ông Hạnh và những người khác vẫn tiếp tục ở lại trong dinh Độc Lập cho đến tối ngày 2-5.

Trước đó, chiều 30-4 đại tá Sáu Trí (tinh bảo của quân đội cách mạng) đã vào nói chuyện với mọi người trong dinh và mọi người đã được trấn an. "Khi ấy tôi cảm thấy yên lòng vì đất nước thống nhất, thái bình" - ông Hạnh nói. Sau khi làm việc với tướng Trần Văn Trà trong dinh, ông Hạnh đã được quân cách mạng chở về nhà.

Nhà báo Mỹ David Lamb mở đầu phần phỏng vấn với thắc mắc các tướng lĩnh đã làm gì sau ngày 30-4-1975 và họ có bị đưa đi cải tạo hay không. Ông Nguyễn Hữu Cò, nguyên thiếu tướng, tổng trưởng quốc phòng chế độ Sài Gòn, cho biết ông được đưa ra miền Bắc bằng máy bay và cùng học cải tạo với khoảng 25 tướng lĩnh khác.

12 năm sau, ông về TP Hồ Chí Minh và sống cùng gia đình. Ông cho biết cuộc sống lúc đầu vất vả và vợ ông làm nghề đan len để có tiền nuôi cả gia đình. Ông nói gia đình ông theo đạo Tin lành và đều được tự do đi lễ. Ông cũng được tự do sang Mỹ mỗi năm để thăm vợ con. Đến nay, ông đã 81 tuổi và mỗi ngày đều ra bên ngoài tập thể dục nên cảm thấy rất khỏe mạnh, hái lòng với cuộc sống và "cả gia đình đều hạnh phúc".

Câu trả lời này gần như cũng làm thỏa mãn cho nhà báo Việt Tiến từ Canada khi ông thắc mắc vì sao hai ông Triệu Quốc Mạnh (nguyên chuẩn tướng, chỉ huy trưởng Cảnh sát Sài Gòn - Gia Định) và ông Nguyễn Hữu Cò sau khi cải tạo lại không qua Mỹ định cư.

Ông Cò nói, ông từng có ý định này. Tuy nhiên lãnh sự Mỹ cho biết chỉ có thể giải quyết cho ông và vợ đi trước, năm năm sau đó ông mới được bảo lãnh những thành viên khác trong gia đình gần 25 người của ông. Ông đã quyết định ở lại để chăm sóc các con.

Trong khi đó, ông Triệu Quốc Mạnh cho biết không hề bị đưa đi học tập cải tạo mà chỉ tham gia các buổi học chính trị ba ngày một lần. Ông ở nhà "làm một công dân bình thường". Ông nói trước ngày đất nước mở cửa, cuộc sống của ông và nhiều người khác khá vất vả (ông vẫn nhớ ông và con cái phải mặc áo rách).

Nhưng sau ngày đất nước đổi mới, cuộc sống được nâng cao lên. Ông cho biết hiện nay ông đang tự do hành nghề luật sư. Về tư tưởng yêu nước, ông nói chỉ có một loại người yêu nước, và "những ai nghĩ rằng cần trồng cây vào lực lượng nước ngoài thì đó không phải là những người yêu nước đích thực".

Ông Nguyễn Hữu Hạnh nhân tiện cho biết ông thầy lối sống ở Mỹ rất khác với Việt Nam nên đã quyết định không ra đi. Ông nói mình nhận thấy đất nước cần có những người của "phía kia" để đối thoại, làm gạch nối với chính quyền mới và làm cho đất nước hóa hợp, nên ông quyết ở lại Việt Nam cùng gia đình.

Ông Hạnh cho biết không bị đưa đi cải tạo mà chỉ học các lớp triết học Mác - Lênin và về Đảng Cộng sản Việt Nam trong 18 tháng. Ông cũng được tham gia Mặt trận Tổ quốc TP Hồ Chí Minh và trung ương. Các con ông đều được học tới nơi tới chốn và đi làm nên đời sống ổn định.

Ông Nguyễn Đình Đầu - nhà nghiên cứu sử học, đại diện cho thành phần thứ ba trong giai đoạn thực hiện Hiệp định Paris - nhấn mạnh đến "thành phần thứ ba" không thuộc chế độ cũ cũng như không thuộc chế độ cách mạng. Ông nói giai đoạn sau ngày 30-4-1975, những người này cũng tương đối khó khăn, "ít được nhắc tới".

Tuy nhiên sau đó những người này, trong đó có tầng lớp trí thức, cũng đã dần trở lại với công việc của mình. Ông khoe đến nay đã 85 tuổi nhưng năm nào cũng viết được một quyển sách, hằng tháng đều có bài trên tờ Công Giáo và Dân Tộc. Ông nói cứ mỗi năm cuộc sống nhìn chung "càng đỡ hơn, sống được và vui vẻ".

Nữ phóng viên Margie Mason của Hãng tin AP hỏi các ông nhận định như thế nào về mối quan hệ giữa Việt Nam và Mỹ. Ông Nguyễn Hữu Hạnh cho rằng, Mỹ nên công nhận sai lầm trong cuộc chiến tranh Việt Nam và không nên nghĩ mình là nước lớn thì muốn thế nào cũng được.

Ông nói Mỹ nên trân trọng mối quan hệ hữu nghị với các nước vì đây chính là điều quan trọng nhất giữa những nước lớn cũng như nước nhỏ. Về quan hệ Việt - Mỹ, ông nói rất cần thiết thúc đẩy quan hệ, nhất là về thương mại.

Ông Nguyễn Hữu Có cho biết đã đọc qua tập hồi ký của cựu bộ trưởng quốc phòng Mỹ McNamara và thấy ông này đã thừa nhận sai lầm khi đưa quân sang Việt Nam. Ông Có cho rằng Chính phủ Mỹ cũng phải có hành động tương tự và thừa nhận gây ra lỗi lầm trong cuộc chiến Việt Nam.

Ông Nguyễn Hữu Hạnh cho biết ông chỉ giữ chức 21 giờ cùng với chế độ của tổng thống Dương Văn Minh từ 12 giờ ngày 29-4-1975. "Tôi là một người yêu nước" - ông nói, khi làm nhiệm vụ ông chỉ nghĩ làm thế nào để Việt Nam có hòa bình và hòa hợp dân tộc. Ông rất tâm đắc câu nói của tướng Trần Văn Trà với ông Dương Văn Minh: "Giữa chúng ta không có kẻ thua người thắng mà chính là dân tộc Việt Nam thắng để quốc Mỹ."

Ông Hạnh cho biết nhiều người hỏi ông tại sao quân đội Sài Gòn thua nhanh như vậy mặc dù được huấn luyện và trang bị tốt. Theo ông, cần phải hiểu rõ là Mỹ và ông Thiệu đã thua ngay từ Hiệp định Paris nhưng ông Thiệu cứ nghĩ là "mình thắng với những lá phiếu giả mạo".

Chuyển tiền vào miền Nam trong những năm kháng chiến

Chúng ta tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước cùng với ý chí quyết tâm còn cần vũ khí đạn dược và cả tiền. Tiền không thể thiếu được để góp phần bảo đảm cho hoạt động chiến đấu xây dựng lực lượng ở miền Nam. Việc chỉ đạo và thực hiện việc chuyển tiền từ miền Bắc vào miền Nam đã trở thành huyền thoại.

Ngày từ đầu cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, theo yêu cầu của Trung ương Cục, của Khu ủy Khu V và Trị Thiên, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam đã bắt đầu phải lo chuyển tiền vào miền Nam. Số tiền đó đương nhiên phải là tiền do chính quyền Sài Gòn phát hành hoặc USD. Biện pháp đầu tiên là dùng ngân sách Nhà nước để mua các loại tiền trên tại thị trường nước ngoài chủ yếu là lại Hồng Công.

Những năm 50 - 60, số tiền cung cấp cho cách mạng miền Nam trung bình một năm khoảng 30 triệu đồng tiền Sài Gòn (tương đương 1 triệu USD). Khi phong trào Đồng khởi toàn miền Nam phát triển mạnh thì nhu cầu tiền ở miền Nam ngày càng tăng và trở thành một nhu cầu khẩn cấp. Bộ Chính trị Trung ương Đảng giao cho Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Hùng đặc trách vấn đề kinh tài chi viện cho miền Nam. Ông Hùng đã đề xuất một quyết định mang tính lịch sử, đó là: lập riêng ở miền Bắc một "quỹ ngoại tệ đặc biệt" lấy từ nguồn viện trợ quốc tế để chi viện trực tiếp cho kháng chiến miền Nam. "Quỹ ngoại tệ đặc biệt" là một phòng riêng thuộc Cục Ngoại hối có biệt danh là B29 trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Để bảo đảm bí mật "Phòng quỹ ngoại tệ đặc biệt" hoạt động theo sự chỉ đạo đơn tuyến, biên chế gọn nhẹ, nhưng cán bộ phải được chọn lựa kỹ về năng lực, phẩm chất và nguồn gốc. Người điều hành trực tiếp là ông Mai Hữu Tích, Phó cục trưởng Cục Ngoại hối Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khi ông Phạm Hùng trở về miền Nam lãnh đạo T.Ư Cục thì sự chỉ đạo trực tiếp B29, T.Ư giao cho ông Lê Thanh Nghị, Phó Thủ tướng Chính phủ đảm trách.

Để chi viện cho miền Nam, B29 đã dùng hai mặt danh AM và FM để làm phương thức hoạt động. AM là phương thức chuyển tiền mặt, FM là phương thức chuyển khoản. Nhu cầu chi tiêu tiền cho chiến trường miền Nam gồm nhiều loại tiền, tiền Sài Gòn và USD, ngoài ra để chi tại các nước láng giềng là Campuchia, Lào, Thái-lan, Ngân hàng cần một lượng tiền mặt là đồng riel, baht, kip. Ta phải mua gom từng loại một. Việc gom tiền được thực hiện bởi một cơ sở ngân hàng ở Hồng Công. Cơ sở này tuy không lớn nhưng rất tin cậy có mặt danh là "Anh Bảo". Tiền mặt do "Anh Bảo" mua gom được chuyển về một cơ sở ở Quảng Châu (Trung Quốc). Từ đây qua đường cơ yếu, Bộ Ngoại giao thông báo cho B29, cử người sang Quảng Châu đưa về Hà Nội.

Một cơ sở khác là Vietcombank tại Paris, chuyển đổi tiền từ các ngoại tệ khác sang USD, thông qua con đường ngoại giao chuyển tiền từ Paris qua Moskva về Hà Nội. Tiền chuyển về được cất giữ tại tầng hầm Ngân hàng Nhà nước T.Ư, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội do B29 quản lý. Khi có lệnh chuyển vào Nam thì đơn vị C100, thuộc Đoàn 559 - Tổng cục Hậu cần làm thủ tục ký nhận và đóng vào thùng "đặc chủng" để vận chuyển. Ông Phạm Bạ - cán bộ Cảnh vệ (Bộ Công an), người có vinh dự được trực tiếp bảo vệ những thùng hàng đặc biệt đó cho biết: Thùng "đặc chủng" là những hòm sắt dài độ 50 cm, dày khoảng 20 cm, nặng chừng 12kg, bên trong lót một lớp thiếc nặng chừng 3kg". Số hàng này phần lớn đi theo tuyến đường Trường Sơn hoặc bằng những chuyến tàu không số trên biển. Còn một số rất ít được chuyển bằng "Vali ngoại giao"

qua đường hàng không Hà Nội - Phnom Penh, hoặc Hà Nội - Quảng Châu - Phnom Penh.

Nhiều chuyến vận chuyển tiền của cán bộ, chiến sĩ đã trở thành huyền thoại. Ông Nguyễn Văn Xế, chiến sĩ thuộc Tiểu đoàn Vận tải biển 248, Liên khu V kể lại: "Ông được cấp trên giao nhiệm vụ chuyển 4kg vàng, 2 triệu đồng tiền và 26 thùng tín phiếu vào Nam. Tổ của ông có bốn người nhưng ba người đã hy sinh trên đường do sóng to gió lớn. Một mình ông sống sót nhưng ông vẫn bảo vệ và giữ được hàng đặc biệt đưa đến đích an toàn". Ông Trần Dũng (Bảy Cao) ở Mộ Đức, Nghĩa Bình, một mình đã gửi được 653kg hàng đặc biệt gồm tiền, vàng cho cách mạng, nhiều lần bị địch phục kích nhưng ông vẫn mưu trí, dũng cảm vượt qua, với quyết tâm còn người, còn hàng, không để hàng mất hoặc rơi vào tay giặc.

Một phương thức khác chi viện cho miền Nam là cách chuyển khoản (FMAF), có thể nói đây là cách làm của ý chí Việt Nam thể hiện sự tinh tế dưới chỉ đạo của Trung ương Đảng. Một cơ sở bí mật của cách mạng được đặt ngay trong một ngân hàng ngụy ở Sài Gòn. Người đảm trách là ông Lữ Minh Châu (bí danh N2683). N2683 lấy tiền ngay tại Ngân hàng Sài Gòn. Nhà cung cấp tiền là những chủ doanh nghiệp lớn. Theo sự thỏa thuận với phía Việt Nam, họ rút tiền mặt từ ngân hàng cung cấp cho cách mạng nhưng với danh nghĩa là để sản xuất kinh doanh. Đổi lại, họ được trả bằng ngoại tệ ở nước ngoài.

Cách làm chuyển khoản ưu điểm là chuyển được số tiền lớn, nhanh trong một ngày thay vì cho nhiều ngày tháng như cách chuyển tiền mặt (AM) đầy rủi ro trên đường. Nghiệp vụ ngân hàng ở đây là chuyển tiền bằng điện hối hoặc bằng séc cầm tay, thanh toán tay ba - người chuyển tiền, người giao, người nhận. B29 ở Hà Nội chuyển tiền trả thay cho cơ quan ở chiến trường. Tiền mặt các loại vào miền Nam, tất cả đều được tập trung ở các vùng căn cứ kháng chiến do các cơ quan Ngân tín của Đảng trực tiếp quản lý. Tổng kho quỹ là C32 thuộc Ban Kinh tài của T.Ư Cục miền Nam trực tiếp nhận các nguồn tiền do B29 từ Hà Nội chuyển vào hoặc nguồn tiền từ Ngân hàng Sài Gòn do N2683 cung cấp, từ đó phân phối ở các vùng theo yêu cầu của cuộc kháng chiến. Theo tổng kết với hai phương thức chuyển tiền, đã chuyển được tất cả 477.175.670 USD, trong đó phương thức AM là 315.341.787,75 USD; phương thức FM là 161.833.883,14 USD, phục vụ cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam.

Ba mươi năm đã trôi qua, nhìn lại chặng đường vận hành của đồng tiền và khối lượng tiền chuyển vào miền Nam càng thấy đây là đóng góp không nhỏ của những cán bộ, chiến sĩ làm nhiệm vụ kinh tài, thể hiện ý chí và lòng trung thành tuyệt đối với cách mạng, trong đó không ít người đã ngã xuống cho sự nghiệp giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

An ninh thế giới

Nhân Dân

Cập nhật 17:34 ngày 15-04-2005

Ông giáo sư tình báo

Chưa có một bài báo nào viết về ông, không một người dân nghèo nào trong một con hẻm ở quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh biết người lính già hàng ngày vẫn đạp chiếc xe cũ kỹ len lỏi qua khu chợ nhỏ lại là một Thiếu tướng tình báo...

Bộ phim *Thiếu tướng tình báo Nguyễn Đình Ngọc* (Đạo diễn Nguyễn Hải Anh, hãng phim TFS) sẽ phát sóng trên HTV9 trong chương trình phim tài liệu lúc 23 giờ 30 ngày 20 và 21-4 tới đây sẽ hé mở phần nào cuộc đời của một người anh hùng...

Năm 1966 ở ĐH Khoa học Sài Gòn xuất hiện một tiến sĩ trẻ, mới từ Pháp trở về. Trong tay có tới năm bằng cấp: kỹ sư khí tượng thủy văn, kỹ sư viễn thông, kỹ sư đóng tàu, tiến sĩ toán và tiến sĩ khí tượng động lực. Thông thạo bốn ngoại ngữ: Pháp, Anh, Nga và Đức. Nhưng chẳng có gì giống với những giảng viên đại học thời ấy: thay vì lái xe hơi thì chỉ toàn đi bộ hoặc đi xe đạp, thay vì veston cravate thì quanh năm một kiểu quần kaki chemise trắng, thay cho đôi giày sang trọng thanh nhã là một đôi "bốt đờ xô" to kềnh.

Nam sinh viên thần tượng về ông. Nữ sinh tò mò lẫn hâm mộ ông thầy mới ngoài 30 tuổi, độc thân và mặt mũi sáng láng. Nhưng ông không chú ý đến ai. Nhiều người cho ông là kẻ lập dị. Không ai ngờ ông tiến sĩ ấy lại chính là sĩ quan điệp báo đơn tuyến của Việt Cộng mang bí danh Diệp Sơn.

Chặng đường dài của giáo sư tiến sĩ Nguyễn Đình Ngọc - điệp viên Diệp Sơn bắt đầu từ khi ông được chọn làm liên lạc cho Trung đoàn Vĩnh Phúc bảo vệ Thủ đô. Năm 1947 vừa tròn 15 tuổi thì cha ông, bác sĩ giám đốc bệnh viện Vĩnh Phúc hy sinh. 20 tuổi ông trở thành chiến sĩ công an liên khu 4. Năm 1954, với lý do xin ra Hà Nội để chữa bệnh lao, tổ chức đã chuẩn bị cho ông một nhiệm vụ lâu dài thời hậu chiến. Ra đến Ninh Bình, ông bị bắt đưa về Phòng nhì Pháp ở Nam Định. Chúng khám xét ông rất kỹ, cho chụp phổi lại. Bệnh lao thật đã giúp ông!

Tháng 6-1954 cũng với kịch bản chữa bệnh, điệp báo viên Diệp Sơn vào Sài Gòn. Để tìm cách hoạt động lâu dài qua ngã Tây Âu, Diệp Sơn buộc phải thi lấy học bổng du học Pháp.

Tại Pháp ông làm xong luận án tiến sĩ toán học năm 1963 và hoạt động ở Tây Âu trong vỏ bọc Phó giáo sư. Tháng 3-1965 khi Mỹ đổ quân xuống Chu Lai, Diệp Sơn được lệnh trở về Sài Gòn gấp. Năm 1966 ông trở thành giảng viên ĐH Khoa học Sài Gòn. Với tư cách một trí thức khoa bảng trong vỏ bọc lập dị, ông có nhiệm vụ tăng cường các mối quan hệ bạn bè với những người bên kia chiến tuyến nhưng lại làm bộ không quan tâm gì đến các vấn đề chính trị. Ngay cả việc ông đi bộ hoặc cùng lắm là đạp xe cũng là để dễ dàng phát hiện và cắt những cái "đuôi" khi cần thiết.

Những năm tháng "trong vỏ" của ông đã được trả giá xứng đáng. Năm 1970, sau chiến dịch Mậu Thân, trong khi bộ máy kháng chiến miền nam chưa kịp phục hồi thì liên quân Mỹ-Sài Gòn lên kế hoạch tấn công quy mô vào Trung ương Cục miền Nam. Ông đã kịp thời thông báo chính xác thời điểm và các mũi tấn công của địch vào Trung ương Cục 72 giờ trước khi cuộc tấn công bắt đầu. Điều này đã được phía Mỹ thú nhận trong tập 10 bộ phim *Việt Nam một thiên sử truyền hình*.

Cũng năm này tin về cuộc đảo chính Sihanuk của Lonnon cũng do điệp viên Diệp Sơn thông báo. Và ngay trước giờ tổng tiến công Sài Gòn, nhờ quan hệ cá nhân và tài ngoại giao, Nguyễn Đình Ngọc đã thuyết phục được người cầm đầu một lực lượng quân đội Sài Gòn ở phía Tây Nam thành phố án binh bất động. Quân giải phóng tiến theo ngả này băng băng vào thành phố mà không hề có đổ máu. Đó là những chiến công lớn nhất của điệp viên Diệp Sơn được tổ chức ghi nhận.

Sau 30-4-1975, ông tiếp tục đóng vai một trí thức lưu dung, cũng đi học tập chính trị như nhiều trí thức chế độ cũ. Đến năm 1977 những giấy tờ chính thức về công tác bí mật của ông được gửi đến trường ĐH Khoa học, tiến sĩ Nguyễn Đình Ngọc mới được trở về đứng với con người thật của mình. Rất nhiều đồng nghiệp, học trò, cả những người thăm thương trộm nhớ anh tiến sĩ lập dị ngày nào nay sững sờ thấy ông trong bộ đồ bộ đội. Hòa bình thật sự rồi, nhưng với ông cuộc chiến vẫn chưa hề chấm dứt, lần này là cuộc chiến với một kẻ thù khác, đó là sự lạc hậu về công nghệ thông tin. Vô bực của một chiến sĩ điệp báo là một nhà khoa học, nhưng khi là một nhà khoa học, Nguyễn Đình Ngọc là một nhà khoa học thật sự.

Sau ngày miền nam giải phóng ông tiếp quản Trung tâm Điện toán cảnh sát quốc gia và Phủ đặc ủy T.Ư tình báo của chế độ Sài Gòn, góp phần khai thác có hiệu quả những dữ liệu của trung tâm này và dùng nó phục vụ cho công tác an ninh của ta.

Tháng 1-1994 Cục Viễn thông tin học được thành lập và giáo sư Nguyễn Đình Ngọc được cử làm Cục trưởng. Ông đã đưa ra nhiều định hướng chiến lược cho ngành viễn thông tin học công an, trực tiếp chỉ đạo và triển khai thực hiện các dự án viễn thông Khai thác đỉnh núi cao Bà Đen-Tây Ninh, Chiếm đỉnh cao Ba Vì-Tam Đảo, Dự án thông tin ra đảo Phú Quốc, là cố vấn kỹ thuật cho chương trình Hệ thống tin học quản lý xuất nhập cảnh...

Giờ đây ở tuổi ngoài 70, ông vẫn không ngừng miệt mài trên giảng đường các trường đại học từ nam đến bắc.

Nguyễn Đình Ngọc sống và cống hiến cả đời cho lý tưởng của ông, không cần vinh danh hay bất cứ một đòi hỏi cá nhân nào. Ông cùng vợ (cũng là một tiến sĩ, chủ nhiệm khoa Công nghệ thông tin ĐH Khoa học tự nhiên TP Hồ Chí Minh đồng thời là một học trò cũ của ông) sống đạm bạc trong ngôi nhà thuê của Nhà nước ở khu ngõ chợ Trần Khát Chân và nhận nuôi hai đứa con của người đồng đội thanh niên xung phong đã mất của họ. Vẫn xe đạp, quần áo lính, vẫn ăn ba bữa dồn vào một để dành thời gian cho công việc...

Trong cảnh cuối cùng của bộ phim, người ta thấy ông và chiếc xe đạp cũ lẫn vào dòng người đông đúc tại vòng xoay phố trung tâm TP Hồ Chí Minh một ngày đầu năm 2005.

(Theo tư liệu của đoàn làm phim)

Đạo diễn Hải Anh: Tôi hạnh phúc khi làm phim về ông

Tốt nghiệp thạc sĩ nghệ thuật học Học viện quốc gia Sân khấu, Điện ảnh và Âm nhạc Leningrad (nay là St. Petersburg), trở thành nữ đạo diễn phim tài liệu duy nhất của TFS từ năm 2000, Hải Anh đã làm hơn 30 phim.

** Như một anh hùng vô danh, rất ít người biết giáo sư tình báo Nguyễn Đình Ngọc hoặc nếu biết thì việc tiếp cận với ông rất khó, chương trình Người đương thời cũng từng phải bó tay. Rất cuộc, bằng cách nào chị thành công?*

- Suốt 2 năm trời đeo đuổi để làm kịch bản mà không xong vì ông thường trốn chúng tôi

- những nhà báo, cuối cùng tôi cũng "chộp" được ông ở TP Hồ Chí Minh trong một ngôi nhà quá đỗi bình dân trong một con hẻm nhỏ giữa một cái chợ ồn ào. Hình như ông muốn thử sự kiên nhẫn của tôi. Ông không hề nói về một chiến công nào của mình trước năm 1975 cho dù rất nhiều lần tôi tìm đủ mọi cách để moi tin. Nhiều lần ông thuyết phục tôi đừng làm phim về ông. May mắn tôi gặp một nhà văn vốn là học trò cũ của ông trước năm 1975 - nhà văn Ngô Thị Kim Cúc, và chị đã giúp tôi một tay.

** Đó là vấn đề khó khăn nhất?*

Làm phim tài liệu cái cần nhất là tài liệu nhưng trong tay ông không có đến dù chỉ một bức ảnh. Ông bảo nghề điệp viên không được để lại một vết tích gì, kể cả các bài giảng và người có thể nói về công việc của một điệp viên đơn tuyến như ông duy nhất là thượng cấp. Khi hy vọng tưởng chừng chấm dứt thì chúng tôi gặp được thượng cấp của ông, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Phước Tân, người phụ trách nhóm điệp báo miền nam trước năm 1975. Rất nhiều điều được biết về ông sau đó đã khiến nhóm làm phim thật sự bất ngờ.

** Bây giờ tôi thấy chị đang rất hạnh phúc.*

- Đúng là tôi rất hạnh phúc. Không phải vì đã xong một việc khó, mà qua ông, qua một người chiến sĩ, tôi hiểu về một thế hệ với những chiến công và sự hy sinh thầm lặng của họ. Để có được ngày hôm nay có biết bao sự hy sinh thầm lặng như thế và còn bao nhiêu sự hy sinh thầm lặng mà chúng ta chưa hề biết tới.

Theo ***Thể thao và Văn hóa***

Nhan Dan newspaper, 23 April 2005, accessed 22 April 2005 at <http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=37&sub=50&article=30015>

Thành ủy Sài Gòn - Gia Định

Lãnh đạo lực lượng vũ trang và nhân dân tham gia tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975

Để tạo thêm điều kiện thuận lợi cho cuộc tiến công thần tốc vào sào huyệt cuối cùng của kẻ thù, Thành ủy Sài Gòn - Gia Định đã huy động mọi lực lượng, mọi khả năng, kể cả việc tranh thủ một bộ phận lực lượng trong phong trào chính trị đô thị - lực lượng thứ ba vào nhiệm vụ để đánh sập hoàn toàn chế độ Sài Gòn.

Ngày 8-4-1975, Nguyễn Thành Trung (trong phi đoàn 540 không quân Biên Hòa, cơ sở nội tuyến chiến lược của Ban Binh vận Trung ương Cục) dùng máy bay địch ném bom Dinh Tổng thống ngụy Sài Gòn, gây chấn động lớn và gây rối loạn cơ quan đầu não của địch.

Sáng 28-4-1975, chỉ huy trưởng tiểu đoàn 1, trung đoàn 50, sư đoàn 25 ngụy (cơ sở nội tuyến) đã làm binh biến, đưa cả tiểu đoàn về với cách mạng.

Đêm 28-4-1975, cơ sở nội tuyến trong căn cứ của sư đoàn 25 ngụy ở Đồng Dù được rút ra phối hợp với Bộ Chỉ huy Mặt trận xây dựng phương án tác chiến đánh chiếm căn cứ Đồng Dù.

Ngày 29-4-1975, được sự chuẩn bị của ngành binh vận, luật sư Triệu Quốc Mạnh (đảng viên, cơ sở nội tuyến trong lòng địch) đã chớp lấy thời cơ khi được giao chức vụ Giám đốc Nha cảnh sát đô thành, ra lệnh giải tán các phòng cảnh sát đặc biệt; lệnh cho tiểu đoàn cảnh sát dã chiến không được nổ súng khi chưa có lệnh; ra lệnh thả hết tù chính trị; cho cảnh sát tự do về nhà lo gia đình, làm tan rã 16 nghìn cảnh sát.

Ngày 29-4-1975, ở Củ Chi ba mũi giáp công, bức hàng toàn bộ đồn bót, tự giải phóng. Bình Hòa nổi dậy chiếm các cơ quan chính quyền và quân sự; cơ sở nội tuyến ở Bộ Chỉ huy Cảnh sát Gia Định chiếm lĩnh căn cứ bàn giao cho chính quyền cách mạng.

Đêm 29-4-1975, ở trung tâm huấn luyện Quang Trung, bốn mũi binh vận chỉ đạo cơ sở treo cờ, phát loa gọi hàng đã làm tan rã 20 nghìn lính quân địch; sĩ quan chỉ huy phó Trung tâm huấn luyện Quang Trung (cơ sở nội tuyến) đã trực tiếp đưa bộ đội ta đi tiếp quản toàn bộ căn cứ.

Sáng 30-4-1975, khi các binh đoàn chủ lực tiến sát ngoại ô thành phố, không quân và pháo binh của ta nã đạn xuống sân bay Tân Sơn Nhất, một bộ phận trong lực lượng phong trào chính trị đô thị đã nổi dậy hành động cách mạng. Các lực lượng bí mật, công khai chiến lược của ta có mặt tại Dinh Độc Lập và đã tiếp cận với Tổng thống Dương Văn Minh. Cơ sở nội tuyến chiến lược của Ban Binh vận Trung ương Cục miền nam, chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh phụ tá Tổng tham mưu trưởng ngụy, đã tác động Tư lệnh biệt khu thủ đô Lâm Văn Phát ra lệnh cho các đơn vị quân đội án binh bất động và thúc đẩy Tổng thống ngụy quyền Dương Văn Minh ra tuyên bố đầu hàng. Những hành động trên đã góp phần hạn chế đổ máu, tạo thêm thế và lực cho quân và dân tiến vào Sài Gòn.

"Vén màn nhiều tìm thù"



Cuối tháng 4-1972, trong đợt phá hoại miền bắc lần thứ hai, Mỹ đã sử dụng phương tiện "chiến tranh điện tử" mới. Trước tình hình đó, Ban nghiên cứu thiết bị chống nhiễu do Tiến sĩ Trần Thức Vân (Viện Kỹ thuật quân sự), phụ trách, được thành lập với nhiệm vụ tìm cách "vô hiệu hóa" chúng.

"Chiến tranh điện tử" là cuộc chiến đấu thầm lặng nhưng vô cùng ác liệt và gian khổ. Mỹ đã áp dụng kỹ thuật hiện đại để chống phá các thiết bị điện tử của ta. Đối tượng chính của chúng là các lực lượng phòng không - không quân. Địch dùng thiết bị điện tử để "bịt mắt" ra-đa của ta, làm cho các đơn vị hỏa lực không phát hiện được hướng bay của chúng. Không quân Mỹ đã đưa ra ba biện pháp để bảo đảm cho máy bay là: tránh hỏa lực phòng không; gây nhiễu bằng trang bị máy móc hiện đại ngay trên máy bay hoặc từ máy bay yểm trợ để làm yếu hỏa lực phòng không của đối phương; đánh phá tiêu diệt các trận địa phòng không.

Làm thế nào để "Vén màn nhiễu tìm thù" ? Đây là nhiệm vụ hết sức mới đối với những cán bộ khoa học của Viện Kỹ thuật quân sự. GS, TS, Thiếu tướng Trần Thức Vân, nguyên Viện trưởng Viện Kỹ thuật quân sự (xem ảnh) kể cho chúng tôi nghe công việc của những nhà "khoa học chiến sĩ": Lúc đó Ban Nghiên cứu chúng tôi bắt tay vào tìm hiểu hệ thống gây nhiễu từ các máy bay bị bắn cháy với các thiết bị đơn sơ. Nói là nghiên cứu "chiến tranh điện tử" nhưng chúng tôi hầu như chưa có kiến thức sâu rộng về lĩnh vực đó. Từ năm 1967 chúng tôi đã cùng Phòng Khoa học quân sự của Bộ Tư lệnh Phòng không khảo sát phần đầu của tên lửa chống ra-đa (loại tên lửa tự bán theo cách sóng ra-đa để tiêu diệt ra-đa) tên gọi là Srike "Chiến tranh điện tử" tuy vậy những thông tin thu thập được còn hạn chế.

Mục tiêu của ban kỹ thuật là: tập trung nghiên cứu tính năng chủ yếu của các thiết bị gây nhiễu và tên lửa chống ra-đa của không quân Mỹ từ đó tìm ra nhược điểm của các thiết bị. Sau đó báo cáo kết quả nghiên cứu lên cấp trên. Bộ Tư lệnh Phòng không xây dựng các biện pháp chiến thuật chống lại nhiễu và tên lửa tìm ra-đa của địch. Thừa kế những kinh nghiệm của Viện Kỹ thuật quân sự về nghiên cứu bom từ trường, Ban Nghiên cứu đã sử dụng một phương pháp tổng hợp tức là sử dụng nhiều nguồn thông tin để hỗ trợ nhau trước khi đưa ra kết luận. Mỗi lần cần khẳng định một vấn đề nào đó vừa nghiên cứu xong, các thành viên trong Ban được tạo cơ hội hỏi cung các phi công Mỹ tại "Khách sạn Hilton - Hà Nội", với các nội dung: trên một máy bay có bao nhiêu máy gây nhiễu, bao nhiêu tên lửa chống ra-đa, thời điểm phóng...

Nguồn thông tin quyết định nhất để hiểu được cụ thể tính năng thiết bị là nghiên cứu từ vật thực. Với một đồng các thiết bị được cán bộ của Viện thu về từ xác những chiếc máy bay bị lực lượng phòng không không quân bắn rơi cho dù bị cháy xém, lấm bùn đất, nhưng rất có giá trị đối với những người làm công tác nghiên cứu. Một thành viên trong Ban đã khôi phục được đèn phát nhiễu từ đó đo được công suất của nó. Cùng với các thông tin thu được sau khi hỏi cung phi công Mỹ tại "Khách sạn Hilton - Hà Nội" về đội hình máy bay, số lượng máy bay Ban Nghiên cứu đã tìm ra cơ sở khoa học của việc hình thành các giải nhiễu trên mô hình ra-đa, từ đó cùng với bên phóng không không quân có giải pháp "vèn màn nhiễu tìm thủ" (câu nói của bộ đội ra-đa).

Kết quả nghiên cứu thứ hai đáng được ghi nhận đó là qua tìm hiểu máy gây nhiễu LQ-87 các nhà khoa học quân sự đã xác định được sự phân bố của nhiễu, hướng nào nhiễu yếu, hướng nào nhiễu mạnh. Vùng nhiễu yếu được đặt tên là "vùng mù". Nhờ xác định được "vùng mù" các nhà khoa học đã đề xuất phương án bố trí trận địa phòng không sao cho đánh địch đạt hiệu quả cao nhất.

Đến đầu năm 1972, Mỹ đã sử dụng thủ đoạn mới là kết hợp tên lửa chống ra-đa và gây nhiễu. Khi có nhiễu, bắt buộc ra-đa của ta phải mở để xác định mục tiêu. Điều đó tạo điều kiện cho tên lửa chống ra-đa của địch mò theo mô hình sóng ra-đa, dễ dàng bắn trúng các trạm ra-đa của ta. Để chống lại, bộ đội có giải pháp tắt mở đài ra-đa liên tục. Tuy vậy, có nguồn tin cho rằng tên lửa của địch vẫn "nhớ" được vị trí của ra-đa ngay cả khi ra-đa tắt. Sau khi nghiên cứu một quả tên lửa chống ra-đa còn nguyên vẹn Ban Nghiên cứu đã xác định tên lửa nói trên không có bộ nhớ tín hiệu. Kết quả nghiên cứu đó đã chứng minh cho trác thủ của ta thông tin tên lửa chống ra-đa của địch có bộ nhớ chỉ là trò quảng cáo lừa bịp.

Để đánh giá hiệu quả lực lượng phòng không, không quân nói chung, Ban Nghiên cứu thiết bị chống nhiễu nói riêng của Viện Kỹ thuật quân sự chúng tôi xin trích dẫn lời của tướng E-đơ nguyên Tham mưu phó của không quân Mỹ ở châu Âu: "Chúng tôi cho rằng bắc Việt Nam có một lực lượng phòng không dày dặn kinh nghiệm nhất trên thế giới. Rõ ràng họ có kinh nghiệm hơn bất kỳ một nước nào trong việc phòng tên lửa SAM hạ máy bay. Họ cũng có kinh nghiệm hơn bất cứ một lực lượng quân sự nào trong việc điều khiển ra-đa dẫn đường từ mặt đất".

Ghi nhận những thành tích của các nhà khoa học quân sự, bộ đội phóng không, ngày 10-9-1996 Chủ tịch nước đã ký quyết định số 991 KT/ CTN tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh đợt một cho Bộ Tư lệnh Phòng không và Viện Kỹ thuật quân sự vì đã có thành tích trong việc "nghiên cứu chống nhiễu trong cuộc chiến tranh phá hoại của không quân Mỹ ở miền bắc 1968, 1969, 1970, 1972".

HÀ HỒNG

Nhân Dân

Cập nhật 12:03 ngày 03-05-2005

Chiến dịch "gạo bốn bao" mang mật danh R1

Để làm nên Đại thắng mùa xuân 1975, phía sau những đoàn quân thần tốc, dũng mãnh tiến vào sào huyệt cuối cùng của kẻ thù, có bóng dáng những người ở hậu phương. Một trong muôn vàn chiến công của hậu phương lớn tiếp sức cho tiền tuyến lớn là chiến dịch vận chuyển 24 nghìn tấn gạo từ Trung Quốc vào miền nam nước ta mà trận địa ác liệt nhất là vũng Hòn La (Quảng Bình), dưới chân Đèo Ngang, năm 1972.

Giữa năm 1972, cuộc chiến tranh leo thang phá hoại miền bắc của giặc Mỹ ác liệt hơn. Hầu như các cửa biển, sông ngòi quan trọng đều bị bom tử trường, thủy lôi của địch phong tỏa. Chính phủ Trung Quốc đồng ý viện trợ lương thực cho ta, nhưng cảng Hải Phòng đã bị phong tỏa dữ dội, không thể cho tàu cập bến. Cuối cùng, một phương án táo bạo được vạch ra: Đưa tàu Hồng Kỳ của Trung Quốc vào neo đậu trong vũng Hòn La, dưới chân Đèo Ngang, thuộc xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch (Quảng Bình), rồi dùng tàu, thuyền nhỏ của ta "tăng bo" lên bờ, bốc lên xe tải vượt qua những "cửa tử" nổi tiếng ở miền trung như phà Ròn, phà Gianh, phà Long Đại, để lên đường Hồ Chí Minh vào nam... Nguyên Tổng Bí thư Đỗ Mười, lúc đó là Phó Thủ tướng kiêm Trưởng ban Điều hòa vận tải Trung ương, được giao chỉ đạo chiến dịch đặc biệt này.

Theo kế hoạch, tàu Hồng Kỳ treo quốc kỳ Trung Quốc vào neo trong vũng Hòn La thì địch không dám oanh tạc. Lợi dụng điểm này, ban đêm ta sẽ tổ chức lực lượng lấy hàng bằng tàu nhỏ. Trời sáng thì ngụy trang trên bờ thật kỹ. Với cách này, nếu tích cực, trong vòng 30 đêm sẽ giải phóng hết hàng trên mỗi tàu Hồng Kỳ.

Ngày 29-5-1972, chiếc "Hồng Kỳ 150" chở hơn sáu nghìn tấn gạo tiếp tế vào đến Hòn La. Đêm đó, ta chèo thuyền ra làm thủ tục nhận hàng và dùng năm chuyến tàu VS, mười chiếc thuyền đánh cá vận chuyển trót lọt 500 tấn gạo vào cảng Gianh an toàn. Nhưng, hai hôm sau địch phát hiện, chúng dùng máy bay đội bom xuống Quảng Đông, ba chiếc tàu của chúng ngoài khơi liên tục nã pháo vào bờ. Pháo sáng treo đầy mặt sóng. Lực lượng phòng không của bộ đội, dân quân Quảng Bình gồm các đơn vị pháo cao xạ, pháo 130 ly, súng 12,7 ly đã anh dũng ngày đêm giăng lưới lửa lên trời đánh trả máy bay, tàu chiến giặc. Cuộc chiến đấu ngày càng ác liệt. Ngoài tàu Hồng Kỳ của Trung Quốc, tất cả những mục tiêu chung quanh đều bị nã pháo, các tàu thuyền lớn đều bị đánh hỏng. Hai thôn Thọ Sơn và Vĩnh Sơn dưới chân Đèo Ngang bị cày nát từng tấc đất.

Chỉ huy chiến dịch quyết định chuyển sang phương án khác, huy động hơn 200 thuyền nan của ngư dân các huyện Quảng Trạch, Bố Trạch tham gia vận chuyển, mà lực lượng nòng cốt là đội thuyền cảm tử của làng Cảnh Dương anh hùng. Với phương án này, ta vận chuyển thêm 1.715 tấn, nhưng rồi lực lượng thuyền nan cũng bị đánh hỏng hết, thương vong khá lớn. Riêng huyện Quảng Trạch mất 120 chiếc thuyền và 21 người hy sinh trên biển. Địch thả thủy lôi dày đặc, chỉ chừa luồng 500 mét đủ cho tàu Hồng Kỳ ra khơi. Máy bay lên thẳng Mỹ từng tốp rà sát mặt biển, bắn xả đạn vào bất cứ vật gì di động trên sóng.

Không thể lấy hàng bằng thuyền, ta nảy ra sáng kiến dùng tời kéo gạo vào bờ. Anh Hồ Tiến Quốc, cán bộ của Xí nghiệp đánh cá Sông Gianh, quê ở xã Nhân Trạch, huyện Bố Trạch quen sóng nước đã xung phong bơi một vòng ngót năm km từ bờ ra tàu Hồng Kỳ rồi trở lại

trên những quả thủy lôi, dưới tầm đạn pháo giặc để nghiên cứu dòng chảy, sức gió, độ võng của dây tời. Và, họ lập một hệ thống dây tời dài 2,4 km từ bờ ra tàu Hồng Kỳ. Gạo được buộc lại từng kiện thả chìm dưới mặt nước, lại buộc thêm cái phao bằng bao tải nổi trên mặt để khi gạo chạm bờ, người ở trên thấy mà đội hầm chạy ra vác gạo vào cất giấu. Cách này tuy đỡ thương vong cho dân quân, nhưng tiến độ rất chậm. Tàu Hồng Kỳ 150 đã vào Hòn La gần hai tháng mà mới giải phóng được năm nghìn tấn, còn lại hơn một nghìn tấn phải chờ về.

Không thể bó tay trước kẻ thù, gạo phải được khẩn trương tiếp tế cho tiền tuyến! Nhưng cả ba phương án dùng tàu lớn, thuyền nhỏ rời dây kéo... đều không thành. Một sáng kiến hết sức mạo hiểm được đề xuất, đó là gạo bọc trong bốn lớp vỏ bao thả trôi trên biển, lợi dụng sức gió tập vào bờ. Người dân khu 4 và bộ đội ta thời đó quen gọi là "gạo bốn bao" của Trung Quốc. Cuối tháng 6-1972, ba cán bộ của ngành thủy sản Quảng Bình cầm tờ dùng thuyền nan giả dạng ngư dân đánh cá, chở tám bao gạo ra cách bờ 600 mét, 800 mét rồi 1.000, 2.000 mét, thả xuống biển. Những bao gạo thả xuống biển, chìm như tảng băng. Buổi sáng gió tây - nam, gạo trôi ra biển, đến chiều có gió nồm mới chậm chạp trôi vào. Các ngư dân Quảng Bình khẳng định, như thế nếu có gió mùa đông-bắc, gạo sẽ trôi vào bờ. Đề xuất của chỉ huy chiến dịch được Trung ương chấp nhận. Cuối tháng 7-1972, tàu Hồng Kỳ 152 của Trung Quốc chở 6.000 tấn gạo được bọc trong bốn lớp vỏ bao sang đậu tại Hòn La. Chờ mãi, đến đầu tháng 8, một cơn bão nhẹ xuất hiện, gạo được thả xuống biển, nương theo gió đông-bắc trôi vào bờ rất tập trung. Để thực hiện kế hoạch này, toàn bộ dân cư ven biển từ Quảng Bình vào đến Vinh Linh, bắc Vĩ tuyến 17 đều được huy động để vớt gạo "bốn bao" nộp vào kho Nhà nước. Gạo "bốn bao" trôi dạt vào tận Quảng Trị, Thừa Thiên. Bọn ngụy xuyên tạc "gạo bốn bao" của Trung Quốc có thuốc độc để ngăn không cho bà con miền nam vớt lên, nhưng do có thông báo trước, nên du kích vùng biển đã vận động nhân dân bí mật cất giấu rồi tổ chức các đường giao liên gửi công lên miền tây cho bộ đội giải phóng.

Kế hoạch "gạo bốn bao" tỏ ra hiệu quả hơn. Nhưng, địch cũng điên cuồng ngăn chặn. Chúng dùng pháo từ Hạm đội 7 nã suốt bờ biển để ngăn không cho dân ra lấy. Ở ngoài xa, máy bay lên thẳng quần đảo, rà sát mặt nước, xả đạn vào từng bao gạo để đánh chìm. Lúc đầu gạo được buộc thành chùm, trôi vào tập trung, nhưng địch dễ phát hiện, ta lại thả rời từng bao. Dân quân Quảng Đông có sáng kiến lên núi cắt lá cây buộc thành từng bó thả lẫn xuống biển với gạo để nghi binh địch. Ngày 15-8-1972, tàu Hồng Kỳ 152 thả xong gạo, trở về. Ngày 22-9, tàu Hồng Kỳ 162A chở 6.000 tấn khác vào đến Hòn La, nhưng mãi đến đầu tháng 11 mới thả hết gạo, bởi gặp mùa mưa bão lớn. Chuyển thứ tư, tàu Hồng Kỳ 162B cũng chở 6.000 tấn "gạo bốn bao", đến Hòn La ngày 1-12-1972. Cũng như các chuyến trước, không dám đánh vào tàu Trung Quốc, nhưng giặc huy động tối đa hỏa lực pháo và máy bay từ Hạm đội 7 cày nát bờ biển Quảng Đông và ném bom dữ dội các công trình cầu, phà, đường... hòng ngăn chặn lực lượng vận chuyển của ta. Mặc, "gạo bốn bao" vẫn trôi vào bờ, vẫn được các lực lượng nhân dân tham gia vớt, bảo quản cho bộ đội. Tàu 162B thả được 250 tấn xuống biển, thì sáng 16-1-1973, Mỹ tuyên bố ngừng ném bom miền bắc. Chỉ huy chiến dịch huy động các lực lượng vận tải giải phóng an toàn số gạo còn lại trên tàu, kết thúc chiến dịch "gạo bốn bao" mang mật danh R1!

QUA tám tháng chiến dịch R1, trong số 24 nghìn tấn gạo chi viện cho chiến trường ta, chi mất hai nghìn tấn bởi bom, đạn đánh chìm và trôi ra biển, một nghìn tấn phải chờ về vì bị địch ngăn chặn ráo riết, còn lại đều được các địa phương ven biển từ Quảng Bình, Vinh Linh, Quảng Trị vớt, kịp thời tiếp tế cho bộ đội miền nam.

Cùng với chiến dịch R1, Trung ương chỉ thị cho Quảng Bình mở thêm ba chiến dịch khác mang mật danh R2, R3 và R4.

ĐINH TIỂU LINH

Huyền thoại về 108 liệt sĩ đặc công

*Đưa 108 liệt sĩ về nơi
yên nghỉ cuối cùng.*

37 năm mới tìm thấy hài cốt các anh, nhưng huyền thoại bi hùng về trận tập kích Chi khu Cam Lộ trong chiến dịch Tết Mậu Thân 1968 thì người Quảng Trị không ai không biết đến...

Đêm 1 rạng ngày 2-2-1968, Tiểu đoàn 1 đặc công thuộc Trung đoàn 48, Sư 320B, Quân đoàn 3 được lệnh tấn công Chi khu Cam Lộ. Nhưng khi các mũi tiếp cận mục tiêu, chưa kịp phá hết hệ thống hàng rào bùng nhùng và mìn dây đặc thì bị lộ. Sau lời kêu gọi cảm tử của Chỉ huy tiểu đoàn, các chiến sĩ đặc công đã nhanh chóng lấy thân mình vắt qua hàng rào kềm gai bùng nhùng dây đặc mìn để làm cầu vượt cho đồng đội tiến lên. Một thế trận bất lợi, ta không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Đối phương đã dùng hỏa lực mạnh từ nhiều phía, kể cả pháo từ Hạm đội 7 của Hải quân Mỹ và các căn cứ khác đội xuống. Pháo sáng treo đầy trời, chiến sĩ ta nằm phơi lưng dưới tầm đạn pháo, thương vong nặng nề. Cả tiểu đoàn hy sinh gần hết. Sáng hôm sau, địch gom thi thể các anh lại một nơi, rải xăng bột, phóng hỏa, rồi dùng xe ủi lên đất phẳng lì...

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Sư đoàn 320, Trung đoàn 48 và chính quyền địa phương đã nhiều lần tìm kiếm hài cốt các chiến sĩ đặc công nhưng không được. Anh Trần Công Phán, Chủ tịch UBND huyện Cam Lộ kể, riêng huyện đã tổ chức 3 đợt tìm kiếm quy mô lớn nhưng không xác định ra vị trí. Chi khu Cam Lộ cũ nằm ngay Quốc lộ 9, nay là trung tâm thị trấn huyện. Cách đây 2 năm, chính quyền địa phương đã cho dựng một nhà bia ghi danh 108 liệt sĩ, để ngày giỗ các anh (2/2/1968) cán bộ và nhân dân đến dâng hương tưởng nhớ. Nhà bia đó chỉ cách nơi các anh nằm khoảng 50 mét.

Trưởng phòng Nội vụ, lao động và thương binh xã hội huyện Cam Lộ Trần Anh Tuấn, sụt cân hẳn sau một tuần "nằm hầm" cùng các liệt sĩ. "Tin tìm thấy hài cốt liệt sĩ Trung đoàn 48 đã làm cho cả huyện Cam Lộ xôn xao. Bà con ở rất xa cũng đến tận miêng hầm, thấp hương viếng các anh, ngày nào cũng đồng nghìn nghịt. Họ sụt sùi khóc vì thương các anh, rồi mừng vì cuối cùng đã tìm thấy các anh".

UBND Cam Lộ đã huy động lực lượng tối đa để khai quật cái hồ cò độ sâu 2m, rộng 40m², đưa toàn bộ các anh lên. Quảng Trị cuối tháng 5 nắng như đổ lửa, hàng chục bộ đội cùng nhân dân cẩn thận xới từng nắm đất tìm kiếm phần hài cốt và di vật của các anh còn sót lại. Mồ hôi trộn cùng nước mắt. Các anh còn quá trẻ, hầu hết tuổi 20, có những người mới 17 tuổi. Tên các anh thì đầy đủ, nhưng không thể phân biệt từng người. Chỉ có thể đưa các anh về nghĩa trang, trong một ngôi mộ chung. Các anh sẽ giữ nguyên đội hình như khi chiến đấu giữa hàng vạn đồng đội liệt sĩ và trong tình thương yêu, tri ân của đồng bào, đồng chí.

Một lực lượng đặc biệt của Công an Nhân dân trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (*)

Trong tham luận của mình, Trung tướng TRẦN QUANG BÌNH nêu rõ, lực lượng Công an Nhân dân nói chung và lực lượng tình báo nói riêng vô cùng tự hào và vinh dự đứng dưới ngọn cờ của Đảng, góp phần tích cực vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trường kỳ, anh dũng và bất khuất của nhân dân và các lực lượng vũ trang.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc ta đã diễn ra qua nhiều giai đoạn khác nhau. Trong mỗi giai đoạn, kẻ thù luôn tiến hành những mưu đồ và thủ đoạn xảo quyệt nhằm phá hoại miền bắc XHCN và tiêu diệt lực lượng cách mạng ở miền nam, hòng chia cắt lâu dài đất nước ta. Cứ mỗi lần kẻ thù đưa ra một chiến lược, một thủ đoạn mới, chúng lại nếm chịu những thất bại lớn hơn, nặng nề hơn.

Tháng 9-1954, đồng chí Viễn Chi, người lãnh đạo đầu tiên của lực lượng Tình báo CAND (gọi là phái khiển), thực hiện nhiệm vụ của Bộ trưởng giao đã vào miền nam, phổ biến chủ trương của lãnh đạo Bộ Công an triển khai công tác nắm tình hình địch cho các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Ban Địch tình Xứ ủy với Bộ Công an. Do vậy, Ban Địch tình Xứ ủy Nam Bộ và một số khu ủy, tỉnh ủy đã hoạt động tích cực, thiết lập được nhiều đường dây thâm nhập các tổ chức địch như Nha Công an Nam Phần, Tổng Thanh tra ngục quyền, Ty Thông tin...

Từ tháng 7-1956 đến tháng 9-1960, cách mạng miền nam gặp nhiều khó khăn và tổn thất do Mỹ - Diệm đàn áp dã man. Đây cũng là thời kỳ hết sức khó khăn của công tác phái khiển. Khu vực giới tuyến bị địch kiểm soát gắt gao, con đường thư tín, thông thương hai miền bị đình trệ. Nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lực lượng phái khiển trong tình hình mới, tháng 10-1959, Bộ Công an ra Chỉ thị 1783/P5-V6 chỉ đạo củng cố, tăng cường lực lượng phái khiển ở Bộ và các địa phương, mở ra hướng mới, vừa tăng cường nắm tình hình địch phục vụ sự chỉ đạo của Đảng đối với địa bán chính ở miền nam, mặt khác chỉ đạo lực lượng phái khiển T.Ư phối hợp phái khiển Vĩnh Linh tìm con đường khơi thông liên lạc qua giới tuyến và đường biển.

Ở miền nam, Xứ ủy Nam Bộ và cấp ủy các địa phương chỉ đạo Ban Địch tình các cấp tập trung nhiệm vụ thu tin, nắm tình hình phục vụ bảo vệ Đảng, bảo vệ cơ sở cách mạng. Ban Địch tình Xứ ủy Nam Bộ đã xây dựng được một số cơ sở nội tuyến trong Bộ Tổng tham mưu, Bộ Nội vụ ngục, cung cấp nhiều tin có giá trị về mâu thuẫn nội bộ giữa các phe phái trong chính quyền Diệm, cơ cấu tổ chức một số cơ quan đầu não của địch, âm mưu của Mỹ - Diệm đối với cách mạng miền nam..., góp phần bảo vệ an toàn khu căn cứ và nhiều đồng chí lãnh đạo Xứ ủy Nam Bộ lúc bấy giờ. Việc Ban Địch tình Tây Ninh tổ chức ám sát Ngô Đình Diệm ở Buôn Ma Thuột (7-1957) tuy không thành, nhưng đã làm gia tăng mâu thuẫn giữa các phe phái với chính quyền Diệm - Nhu, đồng thời củng cố lòng tin của nhân dân đối với cuộc kháng chiến chống Mỹ - Diệm. Từ năm 1959, dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương 15, phong trào Đồng khởi phát triển trên khắp miền nam. Ban Địch tình Nam Trung Bộ có công góp phần giải thoát đồng chí Nguyễn Hữu Thọ trở về chiến khu, làm Chủ tịch Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền nam Việt Nam ra đời năm 1960.

Trong suốt cuộc kháng chiến chống Mỹ, công tác xử lý tin mã thâm của lực lượng phái khiển đã

có những đóng góp cực kỳ quan trọng trong việc phát hiện kịp thời nhiều kế hoạch đánh úp các cơ quan lãnh đạo của Đảng, quân đội ta ở miền nam, giúp ta chủ động di chuyển, đối phó kịp thời, tránh được nhiều thiệt hại. Lực lượng phái khiến đã góp phần quan trọng phát hiện sớm âm mưu tình báo, gián điệp biệt kích của Mỹ - nguy tung ra miền bắc bằng đường không, đường biển; âm mưu và hoạt động của Mỹ - nguy tung gián điệp về miền bắc qua đường Việt kiều hồi hương, lập danh sách hàng trăm đối tượng nghi vấn phục vụ công tác phản gián ở trong nước.

Chủ trương đúng đắn và sự chỉ đạo trực tiếp, kịp thời của lãnh đạo Bộ là nhân tố quan trọng hàng đầu giúp lực lượng phái khiến tiếp tục phát triển tổ chức và đạt được kết quả ngày càng cao, phục vụ có hiệu quả các yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng. Số lượng tin tình báo chính trị, quân sự và phản gián ngày càng tăng, trong đó nhiều tin có giá trị đặc biệt quan trọng giúp Đảng kịp thời định ra chủ trương, đường lối đúng đắn cho cách mạng nước ta.

Từ tháng 3-1965 đến 3-1968 là giai đoạn toàn quân, toàn dân ta ở cả hai miền đất nước đấu tranh chống chiến lược "chiến tranh cục bộ" của đế quốc Mỹ. Đồng chí Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn chỉ đạo trực tiếp và toàn diện công tác phái khiến. Tổ chức bộ máy phái khiến CAND được tăng cường và công tác phái khiến được đẩy mạnh cả ở T.U và các địa phương. Tin thu được ngày càng tăng, trong đó có những tin sâu, có hệ thống, như mâu thuẫn giữa các phe phái chính trị ở miền nam, khả năng sử dụng các con bài của Mỹ, âm mưu kế hoạch của Mỹ mở rộng "chiến tranh cục bộ", nhất là tin chính xác, kịp thời về nội dung Hội nghị Hô-nô-lu-lu của Mỹ bàn kế hoạch R6, tạo dựng sự kiện "Vịnh Bắc Bộ", lấy cớ tiến hành chiến tranh phá hoại miền bắc. Lực lượng điệp báo an ninh miền nam đã phát hiện kịp thời chiến thuật "Trục thăng vận" của Mỹ. Tin sưu tập cũng phát hiện sớm ý đồ của Lon-non - Xê-rích-ma-tác âm mưu lật đổ Sihanouk; kế hoạch chiêu hồi và binh định của Mỹ; âm mưu thủ đoạn hoạt động của CIA, các căn cứ không quân của Mỹ ở miền nam và Thái-lan.

Sau Tổng tiến công Mậu Thân 1968, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, quan hệ đối ngoại của nước ta với các nước được mở rộng, nhất là các nước "không liên kết" và các nước dân tộc độc lập. Đây là thời điểm đổi tên Cục Phái khiến thành Cục Sưu tập với những yêu cầu nhiệm vụ mới. Công tác sưu tập tiếp tục được triển khai đồng bộ cả ba mặt công tác thu tin, tình báo chính trị, tình báo phản gián và tình báo kinh tế - khoa học kỹ thuật; tiến hành đồng thời hai phương thức (công khai hợp pháp và bí mật bất hợp pháp). Tin tình báo thu được góp phần phục vụ lãnh đạo Đảng, Nhà nước kịp thời có những quyết sách đúng đắn trong chỉ đạo kháng chiến ở miền nam và xây dựng bảo vệ miền bắc. Một số tin tình báo được Bác Hồ trực tiếp xem xét cho ý kiến chỉ đạo. Trong thời gian này, lực lượng Sưu tập đã thu được nhiều tin có giá trị, đặc biệt là tin phát hiện trước âm mưu của Mỹ - nguy mở chiến dịch Đường 9 - Nam Lào; tin về cuộc tiếp xúc bí mật của giới chóp bu Mỹ để tìm giải pháp có lợi cho Mỹ trong chiến tranh Việt Nam. Tin phản gián đã phát hiện sớm âm mưu thủ đoạn của các cơ quan tình báo một số nước, đặc biệt CIA tiến hành các hoạt động chiến tranh tâm lý chống Việt Nam; tiến hành thành công kế hoạch nghiệp vụ TK69 (1969) và phá âm mưu của CIA cài nội gián thông qua con đường trao trả tù binh...

Trong thời gian này, công tác bảo vệ an toàn phải đoán ta tại Hội nghị Paris là một nhiệm vụ trọng tâm của Cục Sưu tập. Trong suốt năm năm diễn ra Hội nghị Paris, Cục Sưu tập đã tập trung lực lượng vừa nắm tình hình địch vừa tổ chức vận động Việt kiều yêu nước ở Pháp, tạo hậu thuẫn cho các hoạt động của phái đoàn ta; bảo vệ bí mật mọi chủ trương đàm phán của ta, bảo vệ an toàn các đồng chí lãnh đạo và thành viên của đoàn Việt Nam, bảo vệ bí mật các cuộc hội đàm riêng của đồng chí Lê Đức Thọ với Kissinger.

Từ sau Hiệp định Paris về Việt Nam (2-1973) đến ngày miền nam giải phóng (30-4-1975), Mỹ ngoan cố tiếp tục đẩy mạnh chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" âm mưu chống phá cách mạng Việt Nam trước mắt cũng như lâu dài. Ở miền nam, An ninh Trung ương Cục xác định nhiệm vụ cấp bách trước mắt của điệp báo là phục vụ đấu tranh thi hành Hiệp định Paris, góp phần bảo vệ, phát triển lực lượng cách mạng, giữ vững vùng giải phóng. Điệp báo Tây Nam Bộ

(T3) đã phát hiện sớm "kế hoạch Hùng Vương" của nguy âm mưu "tràn ngập lãnh thổ" ở đồng bằng sông Cửu Long, góp phần đập tan ý đồ dùng nguy quân lấn đất và cắm cờ ở một số khu vực giải phóng trước 48 giờ khi Hiệp định Paris có hiệu lực.

Đến đầu năm 1975, thời điểm tổng tiến công càng đến gần. Lực lượng điệp báo đã tích cực tham gia các kế hoạch tiến công tiêu diệt địch, giải phóng các tỉnh Đắc Lắc, Thừa Thiên-Huế, Đà Nẵng, Nha Trang. Điệp báo Sài Gòn - Gia Định đã chủ động điều tra, vẽ sơ đồ cung cấp cho quân chủ lực về hệ thống bố phòng của địch, lập danh sách những đối tượng nguy hiểm cần trừng trị chuẩn bị kế hoạch kêu gọi quần chúng nổi dậy. Lực lượng điệp báo đã phối hợp cùng lực lượng an ninh bảo vệ tuyệt đối an toàn Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy mặt trận, bảo đảm bí mật các cuộc hành quân, vận chuyển vũ khí, hậu cần và các hướng tiến công của quân đội ta.

Trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, triển khai sự chỉ đạo của Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn, Cục Sưu tập đã cấp tốc tăng cường 25 cán bộ cho Điệp báo Đà Nẵng, Khánh Hòa và Sài Gòn. Điệp báo An ninh T4 trực tiếp tham gia chiến dịch, dẫn đường cho quân chủ lực từ năm hướng đồng loạt tiến công vào nội thành Sài Gòn, chiếm lĩnh các mục tiêu quan trọng của nguy quyền như: Phủ đặc ủy trung ương tình báo, Bộ Tư lệnh cảnh sát quốc gia, Bộ chỉ huy cảnh sát Đô thành, Ty cảnh sát Gia Định... Nhiều chiến sĩ điệp báo đã nêu cao tinh thần dũng cảm, mưu trí đột nhập tận sào huyệt địch để tác động địch đầu hàng, thu giữ tài liệu, hồ sơ mật của địch. Đặc biệt trong những ngày cuối cùng của chế độ nguy Sài Gòn, cụm Điệp báo A10 đã dũng cảm tiếp cận và trực tiếp tác động Tổng thống nguy quyền Dương Văn Minh sớm đầu hàng, góp phần vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc, hạn chế được thương vong và xương máu của quân đội và nhân dân ta trong những ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

Nhân kỷ niệm 30 năm Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, lực lượng CAND hôm nay càng thấy tự hào về những chiến công của thế hệ cha anh góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Trung tướng TRẦN QUANG BÌNH
(Bộ Công an)

(*) Trích tham luận tại Hội thảo Công an Nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp giải phóng miền nam, thống nhất đất nước.

People's Army Newspaper [], 28 November 2005, accessed 28 November 2005 at <http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=37&sub=50&article=47918>

Tại cuộc hội thảo ở Washington

Ia-đăng - một trận đánh làm thay đổi chiều hướng chiến tranh

Ngày 12-11, Trường ĐH Texas Tech đã tổ chức hội thảo về trận đánh Ia-đăng - Plei-me, với sự tham gia của khoảng 100 đại biểu, trong đó có Trung tướng Moore, người lúc đó trực tiếp chỉ huy một tiểu đoàn đổ bộ xuống thung lũng Ia-đăng đánh nhau với tiểu đoàn 9, trung đoàn 66 của Việt Nam.

Ia-đăng là một trận đánh để lại ấn tượng sâu sắc đối với cả Quân đội nhân dân Việt Nam và quân đội Mỹ. Trong trận đánh này, Trung tướng Moore hiện nay đã nghỉ hưu, lúc đó là trung tá trực tiếp chỉ huy một tiểu đoàn thuộc sư đoàn kỵ binh bay, đổ bộ xuống thung lũng Ia-đăng đánh nhau với Quân đội nhân dân Việt Nam là tiểu đoàn 9, trung đoàn 66. Chiến tranh kết thúc, ông viết một cuốn sách với tiêu đề "Đã một thời chúng tôi là những người lính và... trẻ trung" (We were soldiers once... and young). Cuốn sách đó ông miêu tả về một cuộc chiến đấu rất quyết liệt giữa hai bên và rút ra những bài học về trận đánh này với lời ghi chú: "Trận đánh đã làm thay đổi cuộc chiến tranh".

Ngày 12-11-2005, Trung tâm Việt Nam học, Trường đại học Texas Tech tổ chức một cuộc hội thảo về trận đánh Ia-đăng - Plei-me. Cuộc hội thảo được tổ chức tại một phòng họp của khách sạn Hilton, thủ đô Washington của Mỹ. Cuộc hội thảo có chừng 100 người tham gia, trong đó có Trung tướng Moore, một số sĩ quan của sư đoàn kỵ binh bay, nhiều học giả, nhà báo, nhà khoa học. Trung tâm Việt Nam học mời tôi sang dự hội thảo này. Tham gia cuộc hội thảo về phía Việt Nam còn có Đại tá Lê Kim Dũng (phiên dịch), Tham tán sứ quán Việt Nam tại Mỹ và đại diện *Thông tấn xã Việt Nam* ở Washington D.C. Tôi không tham gia đánh trận Ia-đăng nhưng khi đó, tôi phụ trách báo *Quân đội nhân dân*, đã theo dõi kỹ diễn biến của trận đánh này và trong chiến tranh tôi cũng đã có lần vào Tây Nguyên. Tôi lại nghiên cứu về sử học quân sự.

Tại cuộc hội thảo, Trung tướng Moore đã miêu tả trận đánh rất ác liệt, hai bên có thể quần lộn lẫn nhau, giáp lá cà. Quân Mỹ vừa đổ xuống, gặp ngay tiểu đoàn bộ của tiểu đoàn 9. Tiểu đoàn bộ không phải là lính chiến đấu mà đã trụ lại để chiến đấu và chiến đấu rất anh dũng, giữ vững trận địa. Sau đó mấy tiếng đồng hồ, 3 đại đội thuộc tiểu đoàn 9 trung đoàn 661 từ các phía tiến đánh quân kỵ binh bay từ phía sau lưng, chia cắt, gây cho tiểu đoàn của Mỹ nhiều thương vong. Ông Moore nói, trong trận đánh như thế, lính Mỹ nhiều khi không biết bắn vào chỗ nào, bắn cả vào nhau, thậm chí máy bay Mỹ thả bom napalm vào cả chỗ của Moore. Mỹ phải dùng cả máy bay B52 trực tiếp ném bom, làm nhiệm vụ chiến thuật yểm trợ cho trận đánh.

Moore nói: "Trận đánh để lại cho tôi nhiều ấn tượng sâu sắc. Đối tượng của tôi là Quân đội nhân dân Việt Nam, quân chủ lực, đã chiến đấu hết sức dũng cảm và có một cách đánh giáp lá cà rất sáng tạo".

Trong khi Moore ca ngợi Quân đội nhân dân Việt Nam, một thính giả thắc mắc, vì sao một trung tướng của quân đội Hoa Kỳ lại ca ngợi Quân đội nhân dân Việt Nam như vậy, và đứng dậy hỏi: "Trung tướng Moore đánh giá về binh lính của quân đội Mỹ như thế nào?". Moore nói: "Mời Trung tướng Ước trả lời câu hỏi này cho khách quan". Tôi nói: "Lính Mỹ có kỹ thuật chiến đấu cao, nhưng cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam do giới cầm quyền Mỹ phát động, lính Mỹ không hiểu sang Việt Nam chiến đấu để làm gì, không hiểu đối tượng, không quen địa hình và khí hậu. Còn người lính của Quân đội nhân dân Việt Nam khi cầm súng đã được biết rõ cầm súng để làm gì, chiến đấu để bảo vệ ai, đánh lại ai, cuộc chiến đấu đạt mục tiêu gì và có thể

thắng hay không? Những vấn đề lớn về mục tiêu chiến đấu, về nhiệm vụ chiến đấu của người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đã được giáo dục và thảo luận kỹ trong quân đội cho nên một người lính của Quân đội nhân dân Việt Nam khi chiến đấu rất tự giác, kiên cường, không sợ hy sinh gian khổ, chủ động sáng tạo mưu trí trong cách đánh". Khi tôi trả lời xong, Trung tướng Moore cảm ơn vì câu trả lời sát với thực tế và khách quan.

Trong cuộc hội thảo này, tôi đọc một bài tham luận với đầu đề: "Trận Ia-đăng theo nhận thức của Quân đội nhân dân Việt Nam". Tôi phân tích: Năm 1965 là năm Mỹ đưa quân vào Việt Nam, Bộ tư lệnh Quân giải phóng nhận định rằng Tây Nguyên là nóc nhà của Đông Dương, nhiều nhà quân sự nói rằng "chiếm được Tây Nguyên là khống chế được Đông Dương". Vì thế, khi quân Mỹ vào tham chiến ở Việt Nam thì nhất định sẽ lên Tây Nguyên, nên ta đưa thêm bộ đội chủ lực vào để chuẩn bị đánh những trận quyết chiến ở Tây nguyên.

Thực tế, đúng như phán đoán của Bộ tư lệnh Quân giải phóng, Mỹ đưa sư đoàn kỵ binh bay vào An Khê lập căn cứ ở đó và đưa một lữ đoàn lên Tây Nguyên. Bộ tư lệnh Tây Nguyên do tướng Chu Huy Mân là Tư lệnh kiêm chính ủy, đồng chí Huỳnh Đắc Hương làm phó chính ủy, đồng chí Nguyễn Hữu An làm phó tư lệnh, chỉ huy trực tiếp chiến dịch này. Quân giải phóng miền nam mở chiến dịch "đánh điểm, diệt viện", diệt đồn Chư Ho, vây đồn Plei-me để một chiến đoàn quân đội Sài Gòn ra cứu viện, lập tức bị Quân giải phóng là trung đoàn 33 và trung đoàn 320 đánh cho thiệt hại rất nặng, không còn sức chiến đấu. Lập tức Mỹ đưa một lữ đoàn của sư đoàn kỵ binh bay lên ứng cứu. Khi lữ đoàn đổ bộ xuống một tiểu đoàn do Moore chỉ huy đánh vào tiểu đoàn bộ tiểu đoàn 9 trung đoàn 66. Tiểu đoàn này đã chuẩn bị tinh thần để chiến đấu với quân Mỹ nhưng tiểu đoàn trưởng đi họp với cấp trên, trợ lý tác chiến ở nhà chỉ huy tiểu đoàn bộ trụ vững, chiến đấu kiên cường. Tiểu đoàn kỵ binh bay không thể chiếm lĩnh được trận địa, bị thương vong nhiều. Đến tối, các đại đội của tiểu đoàn 9, trung đoàn 66 đã tiến đánh từ các phía vào, tiểu đoàn kỵ binh bay.

Moore rất ngạc nhiên, sau này khi ông sang Việt Nam nghiên cứu về các trận đánh, ông hỏi tướng Nguyễn Hữu An và tướng Hoàng Phương: "Vì sao lúc mới đầu quân kỵ binh bay đổ xuống, các ông đánh còn lè tè, nhưng chỉ sau vài tiếng, quân đội của các ông từ tứ phía phối hợp chiến đấu đánh vào quân đội của chúng tôi. Làm sao các ông tổ chức hiệp đồng một cách ăn ý và kịp thời đến như vậy?".

Trung tướng Hoàng Phương lúc đó là Viện trưởng Viện lịch sử quân sự đã trả lời rằng, đối với Quân đội nhân dân Việt Nam đánh quân cơ động của Mỹ thì tiếng súng chiến đấu là mệnh lệnh hiệp đồng. Các đơn vị chưa biết quân Mỹ ở đâu nên chỗ nào có tiếng súng thì các nơi khác phải cùng phối hợp để đánh. Các tiểu đoàn của trung đoàn 66 đều trực tiếp chiến đấu với quân kỵ binh bay, đến ứng cứu trong vùng Tia X. Moore rất ngạc nhiên và nói rằng đây là một điều kỳ lạ, trong điều lệnh của quân đội Mỹ không có điều này.

Moore nói, trong cuộc chiến đấu giáp lá cà như thế, có thể nói là mù mịt, bom napalm và B52 ném bom yểm trợ nhưng cũng không cứu vãn được thất bại, tất nhiên cả hai bên đều bị thương vong nặng. Thương vong của quân Mỹ là 700; còn thương vong của Quân đội nhân dân Việt Nam có tội hơn một chút vì bom đạn của Mỹ nhiều, lại có máy bay các loại.

Trong chiến đấu, xảy ra một chuyện, đó là sĩ quan Mỹ bắt được một chiến sĩ bị thương của trung đoàn 66 tên là Nguyễn Văn Hùng đưa lên trực thăng và hỏi: Anh thuộc đơn vị nào, từ đâu đến, vào miền nam từ bao giờ? Nguyễn Văn Hùng đứng dậy trả lời bằng tiếng Anh: Tôi là người chiến sĩ của Việt Nam, tôi đi chiến đấu trên đất nước Việt Nam chống lại quân Mỹ xâm lược, đó là quyền chính đáng của chúng tôi, anh không có quyền hỏi. Viên sĩ quan Mỹ dùng áp lực đe dọa, tra hỏi để chứng minh rằng quân đội Bắc Việt Nam từ miền bắc vào xâm lược miền nam. Nguyễn Văn Hùng nói: Anh không có quyền hỏi tôi, nếu anh còn hỏi tiếp, tôi vẫn còn quả lựu đạn sau lưng, tôi sẽ cho nổ để cả trực thăng cùng bị tiêu hủy. Sĩ quan Mỹ không hỏi nữa. Tuy nhiên sau này, khi báo chí Mỹ đăng chuyện này lên và tôi đã cho đăng lại. Người sĩ quan Mỹ tỏ ra khâm phục người chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam vì là người có văn hóa, trả lời rõ ràng, với mục tiêu chiến đấu rõ ràng. Lúc đó tôi làm báo còn thấy báo chí Mỹ đăng lên những chuyện về lính Mỹ đến Tây Nguyên là làm với địa hình rừng núi, khi hậu khắc nghiệt

cỏ cây cao vót... họ sợ cả từ con giun, con dế, con ve, ruồi, rắn... thậm chí khi gió thổi cành cây rơi cũng làm họ sợ. Còn người lính Việt Nam chiến đấu trên đất nước mình, quen với địa hình khí hậu, dựa được vào dân nên có cách đánh sáng tạo, dũng cảm trong chiến đấu là điều dễ hiểu. Ngày 26-11-1965, Bộ Tư lệnh Tây Nguyên kết thúc thắng lợi chiến dịch Plei-me - Ia-đrăng.

Trong cuộc hội thảo này, phía Mỹ công bố một tư liệu rất lý thú: Ngày 29-11-1965, Mc Namara là Bộ trưởng Quốc phòng thời đó đến An Khê nghe tư lệnh sư đoàn kỵ binh bay báo cáo về trận đánh Ia-đrăng. Sau khi nghe báo cáo ông không nói gì, chỉ dăm chiêu suy nghĩ. Khi về Mỹ ông đã viết một bản báo cáo: Theo ông nên rút hết ngay quân Mỹ về nước, đó là trường hợp tốt nhất. Thứ hai, nếu muốn tiếp tục cuộc chiến tranh thì phải tăng quân ở ạt với tỷ lệ 1-2 hoặc 1-3 mà chưa chắc đã thắng. Nên nhận xét về trận Ia-đrăng chẳng những là một trận đánh quyết liệt giáp lá cà, gây thương vong nặng cho quân Mỹ, đối phương tìm ra cách đánh mới. Việt Nam tạo ra được cách đánh quân kỵ binh bay - một đội quân lần đầu tiên xuất hiện trong chiến tranh. Mc Namara là người phát minh ra việc xây dựng hai sư đoàn kỵ binh bay của quân Mỹ. Trong chiến tranh Triều Tiên chưa có, ở Liên Xô cũng chưa sử dụng máy bay trực thăng quy mô lớn đến như vậy.

Còn nữa

Trung tướng-PGS NGUYỄN ĐÌNH ƯỚC
Quân đội nhân dân

Nhan Dan newspaper, 29 November 2005, accessed 29 November 2005 at <http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=37&sub=50&article=48040>

Cập nhật 16:11 ngày 29-11-2005



Tại cuộc hội thảo ở Washington

Ia-đăng - một trận đánh làm thay đổi chiều hướng chiến tranh (tiếp theo và hết)

Ngày 12-11, Trường ĐH Texas Tech đã tổ chức hội thảo về trận đánh Ia-đăng - Plei-me, với sự tham gia của khoảng 100 đại biểu, trong đó có Trung tướng Moore, người lúc đó trực tiếp chỉ huy một tiểu đoàn đổ bộ xuống thung lũng Ia-đăng đánh nhau với tiểu đoàn 9, trung đoàn 66 của Việt Nam.

Người ta ca ngợi sư đoàn kỵ binh bay và sư đoàn không vận số 1 (một lên Tây Nguyên, một ra Đường 9) có sức cơ động rất cao. Có thể nói khi đổ bộ xuống, chỉ trong thời gian ngắn có thể tăng gấp đôi, gấp 3 (đội phương ít) và có thể tăng nhiều hơn nếu đội phương đông để có thể bao vây tiêu diệt đối phương, không cho thoát.

Yếu trợ cho việc đổ quân còn có bom phát quang, dù là rừng núi cũng phát quang đủ để máy bay hạ cánh. Việc sử dụng máy bay trực thăng quy mô lớn trong chiến tranh là một phát minh mới trong thế kỷ 20 của Mỹ mà đối phương khó có thể đối phó được.

Quân đội nhân dân Việt Nam chưa từng đánh kiểu đó, cũng chưa học được kinh nghiệm đánh này của các nước trên thế giới (kể cả Nga) mà phải tự sáng tạo ra cách đánh. Trận Ia-đăng đã làm cho quân kỵ binh bay của Mỹ thương vong nặng nề, chứng tỏ quyết tâm chiến đấu ý chí quyết thắng ngay từ trận đầu mà quan trọng đem lại niềm cổ vũ cho quân và dân miền nam và bắt đầu làm lung lay ý chí của giới cầm quyền Mỹ. Sau trận đó, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh quyết định tặng đơn vị đánh trận Ia-đăng một lần hai Huân chương Quân công hạng nhất, ngay tại chiến trường.

Ý nghĩa của trận đánh đối với Bộ tư lệnh Tây Nguyên và Quân giải phóng là quyết đánh thắng quân Mỹ ngay từ trận đầu để cổ vũ khí thế đồng thời rút kinh nghiệm tạo ra cách đánh cho quân mình vì đây là trận đầu tiên Quân đội nhân dân Việt Nam chạm trán với quân Mỹ. Ý nghĩa còn vượt lên trên nữa khi nghe ông Mc Namara nói những suy nghĩ về chiến tranh Việt Nam đã gặp phải khó khăn ngay từ sau trận đánh Ia-đăng. Ông là người sớm nhận ra những khó khăn thất bại của Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Ông cho rằng sai lầm khủng khiếp của Mỹ là không hiểu Việt Nam.

Có học giả hỏi lấy tiêu chí gì để đánh giá một trận đánh, một cuộc chiến tranh?

Tôi trả lời: Lấy tiêu chí mục tiêu của trận đánh đó nhằm mục đích gì. Tất nhiên, trong chiến tranh phải so sánh số thương vong của hai bên. Chúng tôi quý sinh mạng của từng người chiến sĩ nhưng đánh với quân Mỹ có nhiều bom đạn, hiện đại đến như thế thì số thương vong của chúng tôi cao là dễ hiểu và khó tránh khỏi, nhưng điều quan trọng là chúng tôi phải tiêu diệt được quân Mỹ, mà nói tiêu diệt quân Mỹ thì ông Tua-ri-xơn có lúc hỏi nghĩa là thế nào. Tôi nói một tiểu đoàn bị tiêu diệt 70% số quân trở lên là đã bị tiêu diệt và Tua-ri-xơn nói giờ tôi mới hiểu từ tiêu diệt. Chúng tôi còn bảo vệ được lực lượng của mình để tiếp tục chiến đấu, còn tìm được cách đánh có hiệu lực, và làm cho quân Mỹ thất bại trong chiến lược "tìm diệt và đánh gãy xương sống của Việt Cộng".

Khi chiến tranh đang diễn ra, người ta nói rằng Mỹ là siêu cường, Việt Nam là một nước nhỏ, Mỹ không thắng đã là thất bại. Về trận đánh, rõ ràng trận Ia-đăng Mỹ đã thất bại. Số thương vong của Mỹ cũng chỉ chết 309 người, chúng tôi nhiều hơn một chút nhưng chúng tôi đạt được

mục tiêu chúng tôi đã đề ra đó là chẳng những đã tiêu diệt được quân Mỹ mà còn tạo ra được cách đánh. Đồng thời trận đánh đó còn tác động tới ý chí, cả vấn đề chiến lược của cuộc chiến tranh, làm cho Bộ trưởng quốc phòng Mỹ bắt đầu dao động về cuộc chiến đấu này.

Có người hỏi Trung tướng đánh giá về cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968 thế nào?

Tôi nói: Đó là cuộc tiến công đồng loạt trong hai đêm đánh vào quân địch ở 41 thành phố, thị xã, đưa chiến tranh vào thành thị trên quy mô lớn. Đây là một phương thức tiến công mới, chưa từng xuất hiện trong lịch sử chiến tranh trên thế giới. Cuộc tiến công đồng loạt đó làm cho Westmoreland hoàn toàn bị bất ngờ, làm đảo lộn thế trận. Vì ông ta nói rằng đã đẩy được quân chủ lực đối phương ra biên giới, gần như đánh gãy xương sống Việt Cộng. Giờ xương sống của Việt Cộng chẳng những không gãy mà còn mạnh lên, còn có thể đưa quân chủ lực vào Sài Gòn, vào Huế, giữ Huế trong 25 ngày.

Đó là một sự thật và cuộc tiến công đồng loạt đó làm rung chuyển nước Mỹ, làm giới cầm quyền Mỹ phải thảo luận, nên tiếp tục cuộc chiến tranh thế nào. Phía chúng tôi có khuyết điểm là kéo dài cuộc tiến công vào thành thị, về sau bị thương vong nặng nề, nhưng dù có thương vong như vậy thì thắng lợi của chúng tôi Mỹ không thể làm đảo ngược được.

Ngày 24, 25-3-1968, Tổng thống Mỹ Johnson phải họp Hội đồng những nhà chiến lược khôn ngoan nhất nước Mỹ gồm 16 người trong đó có 12 người (chủ yếu là các nhà chiến lược điều hâu) phát biểu rằng, đã đưa cho ông Westmoreland hơn 40 vạn quân, đánh nhau ba năm mà không bảo vệ được sứ quán của Mỹ ở Sài Gòn, giờ ông ta còn đòi tăng thêm 20 vạn nữa thì bao giờ mới đưa lính Mỹ về được. Do vậy, phải rút quân Mỹ về, phi Mỹ hóa cuộc chiến tranh.

Tổng thống Johnson rất buồn và phải chấp nhận ý kiến đó, tuyên bố không ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ lần thứ hai, tuyên bố không tăng thêm 20 vạn quân, triệu Westmoreland về nước mà báo chí lúc đó gọi là cách chức bằng cách đá hất lên, về làm tham mưu trưởng lục quân Mỹ, ngừng ném bom tử vi tuyến 20 trở ra Bắc Việt Nam, bắt đầu chấp nhận đàm phán.

Tổng thống Nixon được gọi là điều hâu lên thay Johnson cũng phải thực hiện từng bước rút quân. Mc Namara sang hội thảo với Việt Nam từ năm 1995 đến 1997 đều nói rằng từ sau Tết Mậu Thân không một ai trong giới cầm quyền và quân sự của nước Mỹ nói muốn giành chiến thắng bằng quân sự trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, Nixon phải nói rằng rút quân trong danh dự. Và năm 1969, Nixon đã cho rút sáu vạn, năm 1970 rút 18 vạn, năm 1971 rút 13 vạn quân... Chúng tôi bị thương vong nặng nề nhưng số quân Mỹ rút ra như thế nên so sánh lực lượng trên chiến trường vẫn đem đến cho chúng tôi lợi thế rất lớn. Vì thế, chúng tôi đánh giá cuộc tấn công Tết Mậu Thân là một thắng lợi quyết định, tạo ra bước ngoặt trong chiến tranh đánh bại ý chí của giới cầm quyền Mỹ muốn giành chiến thắng quân sự trong cuộc chiến tranh này, mặc dầu còn rất gay go và quyết liệt.

Về sau này trong cuộc đàm phán có một vấn đề rất khó là quân Mỹ phải rút ra, quân Bắc Việt ở lại. Điều đó rất khó chấp nhận đối với quân đội Sài Gòn và chính quyền Sài Gòn, thậm chí ngay cả với Mỹ. Nhưng sự thật, vì đã thất bại nên phải tuyên bố rút quân Mỹ về lấy tù binh ra, không có cách nào để từ chối điều khó chấp nhận ấy. Nixon trong tài liệu được giải mã của Larry Berman đã nói rằng: quân Bắc Việt Nam là người Việt Nam nên có thể vào Việt Nam, đó là một sự thật. Tất nhiên, đến lúc này ông ta mới nói như vậy. Còn từ trước tới nay, Việt Nam luôn là một nước thống nhất, không có hai nước Việt Nam, nếu có chỉ là chính quyền Mỹ muốn chia cắt Việt Nam.

Khi thảo luận trong cuộc đàm phán ở Paris, chúng tôi thường nói nước Việt Nam là một, một tiếng nói, một nền văn hóa, một dải đất, chưa bao giờ có hai nước Việt Nam. Vance lúc đó là phó đoàn sau này là ngoại trưởng Mỹ, có nói rằng nếu chỉ nói như các ngài thì thế giới giờ đây phải có hàng nghìn nước vì nhiều người có tiếng nói riêng, có văn hóa riêng nhưng vẫn không thành một nước, nhưng các ngài có một thực tế lịch sử là chưa có hai nước Việt Nam và đồng thời có luật pháp quốc tế là hội nghị Geneva năm 1954 có cả Mỹ tham gia. Hội nghị long trọng công nhận độc lập chủ quyền thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam nên Việt

Nam là một nước thống nhất đã được luật pháp quốc tế công nhận. Chúng tôi phải trở lại với thực tế đó.

Một thực tế nữa là *kết thúc cuộc chiến tranh*. Quân Mỹ đưa 327.000 quân vào Triều Tiên, một bên là quân Mỹ, một bên là quân Bắc Triều Tiên và một triệu quân chí nguyện của Trung Quốc đánh nhau trong ba năm rất ác liệt, thương vong cả hai bên nặng nề nhưng kết cục Triều Tiên vẫn bị chia cắt ở vĩ tuyến 38, hiện nay quân Mỹ còn ở Hàn Quốc 37 nghìn.

Ở Việt Nam, Mỹ đưa vào 545 nghìn, chiến đấu từ 1965 đến 1972, kết quả quân Mỹ phải rút hết, quân đội chính quyền Sài Gòn sụp đổ, Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất. Đó là kết quả rõ rệt của cuộc chiến tranh, từ tiêu chí đó xem xét ai đạt được mục tiêu trong chiến tranh mới đánh giá được thắng lợi hay thất bại, không thể đơn giản là chỉ so sánh về thương vong của hai bên.

Tất nhiên, trong cuộc chiến tranh này, Mỹ đã dùng máy bay ném bom chiến lược B.52, chất độc da cam, nhiều bom đạn, kỹ thuật tiên tiến, có thể nói rằng hơn cả trong chiến tranh thế giới lần thứ 2, như vậy làm sao nước chúng tôi không bị thương vong nhiều, đó là điều khó tránh, nhưng chúng tôi thực hiện lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Không có gì quý hơn độc lập tự do" nên dù phải hy sinh chúng tôi vẫn chiến đấu. Nhưng nếu hy sinh không thì là vì trí tuệ Việt Nam, nghệ thuật quân sự, biết kết hợp quân sự chính trị và ngoại giao nên chúng tôi mới đi đến thắng lợi cuối cùng. Đó là chiến thắng của cả ý chí và trí tuệ. Tuy nhiên, chúng tôi còn được sự ủng hộ rộng lớn của nhân dân thế giới và sự ủng hộ có hiệu quả của Liên Xô và Trung Quốc lúc đó. Chúng tôi đánh giá cao và biết ơn.

Một ví dụ khác, Thụy Điển là một nước trung lập, nước tư bản không phải là một nước cộng sản nhưng đã ủng hộ mạnh mẽ cuộc chiến đấu của chúng tôi. Thậm chí Thủ tướng Olof Palmer còn xuống đường biểu tình và Thụy Điển nói rằng cuộc chiến đấu của Việt Nam là đại diện cho lương tri của nhân loại. Cuộc chiến đấu của chúng tôi đã được sự ủng hộ rộng lớn của nhân dân thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ. 200 trường đại học Mỹ có phong trào phản đối chiến tranh. Đó cũng là một nguồn tiếp sức cho chúng tôi.

Có người hỏi có thể nói Mỹ chỉ thua về chính trị hay vì chính trị khó khăn chứ không thua về quân sự.

Trong thời đại ngày nay, chính trị và quân sự gắn liền với nhau; chính trị chi phối quân sự, chính trị còn là một lực lượng, một sức mạnh chứ không phải chỉ có quân sự. Phải hiểu đúng như thế mới thấy được cái mới, thấy cách mạng thông tin bùng nổ, phong trào cách mạng trên thế giới có một sức mạnh to lớn, nhân dân thế giới phân biệt đâu là chính nghĩa đâu là phi nghĩa. Mỹ tuy là một siêu cường nhưng không thể sống biệt lập mà phải có bạn bè và chính phủ Mỹ phải trả lời cho nhân dân Mỹ tại sao Mỹ tham gia vào cuộc chiến tranh lại bị thế giới phản đối đến như vậy, cho nên không thể nói chỉ thua về chính trị chứ không thua về quân sự; không thua về quân sự, sao Mỹ lại phải đơn phương rút hết quân?

Tôi cho rằng trong cuộc chiến tranh này Mỹ đã thất bại cả về chính trị, quân sự và ngoại giao, đó là điều rõ ràng. Ở cuộc hội thảo này không ai phải tranh cãi nhiều vấn đề này. Chiến tranh đã qua đi, để lại cho hai nước chúng ta bài học: hiểu biết lẫn nhau, hòa bình và hữu nghị. Trung tướng Moore bắt tay tôi và nói rằng: Bây giờ chúng ta đã là bạn của nhau, và nên mãi mãi là bạn của nhau.

Quân đội nhân dân

, Nov 2003

Nhan Dan, accessed 25 Feb 2006 at

http://backup.nhandan.org.vn/nhandan/vietnamese/today/chinhtri/07sukien_baihocvekethop.htm

Bài học về kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại

Tết Quý Mùi này vừa tròn 30 năm ngày ký Hiệp định Paris. Thời gian càng lùi xa lại càng có điều kiện để nhìn sự kiện sâu sắc hơn, rút ra những bài học bổ ích cho hôm nay. Câu chuyện của anh Vũ Sơn Thủy, Quyền vụ trưởng Bộ Ngoại giao về Hội nghị Paris sẽ giúp bạn đọc hiểu rõ hơn về ý nghĩa và tầm vóc của sự kiện này.

...

Hỏi: Từ năm 1969 đến 1972 diễn ra nhiều cuộc họp, nhưng mức độ tiến triển hình như rất chậm, có lúc như rơi vào bế tắc. Hội nghị đi vào cốt lõi vấn đề từ khi trên chiến trường đã có chuyển biến tích cực, khi chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ do Nixon thực hiện tỏ ra không có hiệu quả?

Trả lời: Ngày 21-2-1970, Lê Đức Thọ mới nhận gặp riêng H. Kissinger. Từ 19-7-1972 cuộc đàm phán bí mật giữa ta và Mỹ mới đi vào thực chất. Tại sao vậy? Trước đó ba năm, Nghị quyết TƯ 18, khóa III đã nói rõ: Chúng ta chỉ có thể giành được trên bàn hội nghị cái mà đã giành được trên chiến trường". Năm 1969, Nixon lên làm Tổng thống Mỹ đề ra học thuyết "Việt Nam hóa chiến tranh" để rút quân Mỹ về nước và để cho người Việt đánh người Việt. Ngày 30-3-1972 ta mở màn tổng tấn công Xuân-hè trên năm mặt trận từ Quảng Trị đến Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Địch thua đau, "Việt Nam hóa chiến tranh" phá sản. Mỹ phải bán thực chất. Phát huy thắng lợi đó, và cùng với thời điểm năm 1972 ở Mỹ có cuộc tranh cử Tổng thống, ta chủ động đưa ra giải pháp để ép Nixon chấm dứt chiến tranh. Ngày 8-10-1972 trong cuộc gặp bí mật với H.Kissinger, sau bốn năm đàm phán ông Lê Đức Thọ đưa ra bản Dự thảo Hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Kissinger cảm nhận thấy sự trọng đại của vấn đề, đã đề nghị ngừng họp để điện về Washington xin ý kiến.

Hỏi: Thưa anh, bản Dự thảo này do ai soạn thảo?

Trả lời: Do CP50 (Anh Thủy mở khóa tủ cho tôi xem bản dự thảo đó) và nói tiếp: Đây là văn bản tối mật, sau 30 năm rồi, chúng tôi đề nghị cho công bố công khai. CP50 là tên của Tiểu ban Việt Nam, đặt tại Bộ Ngoại giao, dưới sự chỉ đạo của Phó Thủ tướng Nguyễn Duy Trinh, ủy viên Bộ Chính trị, kiêm Bộ trưởng Ngoại giao và do ông Nguyễn Cơ Thạch phụ trách. Trong CP50 có một số cán bộ giỏi nhưng thường xuyên chuyển đi Paris đàm phán. Ví dụ có Phan Hiền, Đinh Nho Liêm, Lưu Văn Lợi, Trần Quang Cơ... Bản Dự thảo đã vạch ra toàn bộ giải pháp chính trị cho vấn đề Việt Nam trên cơ sở đảm bảo những yêu cầu cơ bản của chúng ta như: quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ. Mỹ phải rút toàn bộ, triệt để và nhanh chóng các lực lượng vũ trang Mỹ khỏi miền Nam, chấm dứt mọi dính líu quân sự, không được can thiệp vào công việc nội bộ miền Nam Việt Nam, ngừng bắn tại chỗ, công nhận ở miền Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát. Bản Dự thảo Hiệp định đã được mã hóa rồi phân công cho hai ông Lưu Văn Lợi và Trần Hoàn khâu vào trong áo lót mặc lên người sang Paris. Sau bản Dự thảo đó là những ngày đàm phán hết sức khẩn trương về các điều khoản. Phiên họp cuối cùng kéo dài suốt từ 9 giờ 30 phút sáng ngày 11-10-1972 tới tận 2 giờ sáng ngày 12-10, đó là phiên họp dài nhất sau gần năm năm đàm phán. Cuối cùng, về cơ bản Dự thảo Hiệp định được hai bên chấp thuận. Dự định từ ngày 21 đến 23-10 Kissinger sẽ vào Hà Nội để ký tắt Hiệp định và ngày 30-10 ký chính thức ở Paris.

Hỏi: "Hòa bình đã nằm trong tầm tay như Kissinger khẳng định, nhưng trong mối quan hệ Mỹ - chính quyền Sài Gòn diễn biến phức tạp, Thiệu sợ bị bỏ rơi nên đã ngáng chân Mỹ làm cho hòa bình tuột khỏi tầm tay."

Trả lời: Thời gian đó Trần Văn Lãm là Ngoại trưởng của chính quyền Sài Gòn tuyên bố là "Mỹ đang thương lượng một cuộc đầu hàng". Mâu thuẫn gay gắt giữa Mỹ - Thiệu trên vấn đề cốt lõi là nếu Mỹ ký Hiệp định thì Thiệu phải chấp nhận sự có mặt của quân đội Bắc Việt Nam tại miền Nam, sau khi Mỹ rút quân. Tuy nhiên Chính quyền Thiệu chỉ là "cái đuôi con chó" như cách gọi của Kissinger nên "làm sao mà vẫy được người con chó". Vấn đề là ở chỗ Nixon muốn xuống thang để trúng cử Tổng thống nên sau khi đắc cử thì ông ta đã lật ngay và quyết sử dụng "con bài cuối cùng" là dùng máy bay B-52 ném bom. Vì vậy Hiệp định Paris không ký được như dự kiến. Ngày 18-12-1972 Mỹ mở chiến dịch không kích chiến lược 12 ngày đêm vào Hà Nội, Hải Phòng... Nhưng quân và dân ta đã đánh bại âm mưu của Mỹ, làm nên "Điện Biên Phủ trên không". Sau thất bại 12 ngày đêm, Mỹ đề nghị gặp lại. Ta đồng ý gặp nhưng kiên quyết bác bỏ các đòi hỏi vô lý của Mỹ. Sáng ngày 23-1-1973 lần đầu tiên cuộc gặp giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và H.Kissinger diễn ra công khai tại trung tâm hội nghị quốc tế Cléber và hai người đã ký tắt Hiệp định Paris. Ngày 27-1-1973 Hiệp định được ký chính thức, bởi Bộ trưởng Ngoại giao của bốn bên. Quân đội Mỹ đã phải rút toàn bộ khỏi miền Nam Việt Nam, như vậy chúng ta thực hiện được một phần lời Bác Hồ dạy là "Đánh cho Mỹ cút..." và tình hình đó đã tạo điều kiện để đến năm 1975, với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, chúng ta thực hiện phần còn lại "đánh cho Ngụy nhào".

Hỏi:

Nhan Dan newspaper, 13 March 2006, accessed 13 Mar 06 at
<http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=36&sub=47&article=56549>

Trao kỷ niệm chương cho ông Daniel Ellsberg, một người bạn Mỹ

Ngày 13-3, tại Hà Nội, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam đã trao Kỷ niệm chương "Vì hòa bình, hữu nghị giữa các dân tộc" cho ông Daniel Ellsberg, một người bạn Mỹ đã tham gia khởi xướng phong trào phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Trong thời gian phục vụ Bộ Ngoại giao Mỹ tại Việt Nam, ông D. Ellsberg đã nhận thấy cần phải sớm kết thúc cuộc chiến tranh phi nghĩa của Mỹ ở Việt Nam. Ông đã thu thập nhiều tin tức và tài liệu mật của Lầu Năm Góc liên quan việc Mỹ tiến hành cuộc chiến tại Việt Nam để cung cấp và đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của Mỹ lúc bấy giờ, làm dấy lên trong nhân dân Mỹ phong trào phản đối cuộc chiến của Mỹ tại Việt Nam, tạo làn sóng kêu gọi sớm chấm dứt chiến tranh.

Ông D. Ellsberg đã viết cuốn sách "Hồi ức về Việt Nam và tài liệu của Lầu Năm Góc" để giúp những người dân Mỹ yêu chuộng chính nghĩa, hòa bình và công lý hiểu rõ bản chất của cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam.

Trong chuyến thăm Việt Nam lần này, ông D. Ellsberg cùng đi với 34 sinh viên Trường đại học Mỹ tại Washington để giúp thế hệ trẻ ở Mỹ hiểu thêm về đất nước và con người Việt Nam, một dân tộc anh hùng, đồng thời thúc đẩy tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Ông D. Ellsberg xúc động thay mặt 5.000 lính Mỹ khác, những người đã bị cầm tù vì họ cùng ông lên tiếng phản đối cuộc chiến của Mỹ ở Việt Nam, nhận phần thưởng cao quý này.

HÔNG CẨM

Nhan Dan newspaper, , accessed 4 May 2006 at
<http://www.nhandan.com.vn/tinbai/?top=37&sub=50&article=61073>

40 năm Đặc công Rừng Sác Tiếng nổ vang dội trên sông Đồng Nai

Xin lược ghi lại một trận chiến đấu dũng cảm qua lời kể của Đại tá Nguyễn Hoàng Dục, nguyên Trưởng ban viết sử Cục Kỹ thuật Hải quân, nguyên chiến sĩ Đoàn 10 Đặc công Rừng Sác.

Trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đặc công Rừng Sác nổi tiếng với những trận đánh tàu chiến địch trên sông Lòng Tàu, sông Đồng Nai. Nhiều trận đánh đã trở thành huyền thoại và đi vào lịch sử như một minh chứng hùng hồn cho sức mạnh của dân tộc, song có những trận đánh của họ chỉ có lòng dân ghi nhận, bởi yếu tố bí mật và tính chất đặc thù của nhiệm vụ.

Chiến lược chiến tranh đặc biệt thất bại, đế quốc Mỹ chuyển sang chiến tranh cục bộ, ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và chư hầu vào xâm lược nước ta. Các đơn vị thiện chiến như sư đoàn Anh cả đò, Kỳ binh bay, Tia chớp nhiệt đới; các lữ đoàn 196, 199, 101, 173 dù và bộ binh nhẹ, lính thủy đánh bộ; Trung tâm chỉ huy của Quân đoàn 2 dã chiến, lữ đoàn xe tăng hạng nặng số 1, lữ đoàn thông tin số 1... của quân đội Mỹ; các sư đoàn quân chư hầu lần lượt có mặt ở miền Đông - Nam Bộ, gây biết bao đau thương, tang tóc cho nhân dân ta.

Để bảo đảm cung cấp hậu cần, kỹ thuật cho đội quân xâm lược này, hằng ngày trên sông Lòng Tàu có tới năm chục lần chiếc tàu vận tải quân sự Mỹ vận chuyển bom đạn, xe pháo, máy bay còn nguyên trong kiện cùng hàng hóa quân lương, nhiên liệu... nối đuôi nhau ra vào các bến cảng Nhà Bè, Cát Lái rồi chuyển tải sang những đoàn xà-lan đầy ắp hàng hóa ngược dòng sông Đồng Nai về Biên Hòa để nhập vào tổng kho Long Bình.

Địa bàn khu vực hạ lưu sông Đồng Nai theo sự phân công của "R" thì thuộc khu vực tác chiến của đơn vị bạn. Không lẽ để chúng vận chuyển về Biên Hòa mới đánh, trong khi ưu thế đánh tàu địch trên sông biển lại thuộc về Trung đoàn 10 - Đặc công Rừng Sác. Trước đó, vào năm 1964, Bộ Tư lệnh Hải quân đã thành lập Đoàn 8 đặc công nước vào Nam Bộ chặn đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu, tổng kho Long Bình và cảng Ô Cấp - Vũng Tàu. Chính các đội của Đoàn 8 là lực lượng đặc công nước đầu tiên của Nam Bộ và Đoàn 10 - Rừng Sác trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Trung đoàn 10 thành lập ngày 15-4-1966, được bổ sung phần lớn lực lượng của Đội 2 thuộc Trung đoàn 126 trinh sát đặc công của Bộ Tư lệnh Hải quân đã đánh những trận vang dội, nhấn chìm nhiều tàu chiến, tàu vận tải hạng nặng cùng hàng trăm tên Mỹ xuống sông Lòng Tàu.

Tại rừng tràm ấp Bà Bông, huyện Nhơn Trạch (Đồng Nai), nơi đặt Sở Chỉ huy của chiến khu Rừng Sác, Tư lệnh Lương Văn Nho (tức Hai Nhã), đêm đêm không ngủ, trăn trở suy nghĩ, tìm cách chặn đánh, tiêu diệt các đoàn tàu địch trên sông Đồng Nai. Sau khi bàn bạc, thống nhất chủ trương, ý định tác chiến trong Đảng ủy, chỉ huy, ông Hai Nhã quyết định giao nhiệm vụ cho một tổ đặc công nước gồm ba chiến sĩ của Đại đội 2 sang phối thuộc cho Y4 bên Thủ Đức để nghiên cứu, lập trận địa, tổ chức đánh tàu địch (Y4 là Đoàn biệt động Sài Gòn - Gia Định). Cả ba chiến sĩ trong tổ đặc công nước đều thuộc Đoàn 8 đặc công nước của Bộ Tư lệnh Hải quân. Tổ trưởng tên là Nhật, anh nhập ngũ năm 1963, quê ở Quảng Bình. Hai tổ viên là Đại, cũng quê ở Quảng Bình và Cốt quê ở xã Thái Đô, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Bên Y4 biệt động có một chiến sĩ tên là Lê Ngọc Thăng, quê ở huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, cùng tham gia trinh sát, bảo đảm cho trận đánh này.

Cả tổ bí mật dùi đường vượt qua các tuyến án ngữ dày đặc của địch từ Phước Lý đến Tuy Hạ thuộc chi khu Nhơn Trạch để điều nhiên chọn khúc sông địch có nhiều sơ hở để lần trận địa

Xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch nằm ven sông Đồng Nai, dân cư thưa thớt, hẻo lánh, chỉ còn một số gia đình trung kiên bám đất giữ vườn, còn hầu hết bị địch dồn vào các ấp chiến lược theo trục lộ 17. Ba đêm liền nhờ du kích dẫn đường, vượt qua các chốt ngăn chặn của địch, anh em đến một căn nhà lá đơn sơ ẩn mình trong những khóm dừa nước rậm rạp, đó là nhà của ông Năm, một cơ sở tin cậy của ta. Cả tổ nhanh chóng cất giấu súng B41, tiểu liên AK. Ban ngày ém ở bờ sông, nhân dân tiếp tế cơm, nước, đến tối cùng nhau lặn hụp dưới dòng sông Đồng Nai sâu thẳm.

Để giữ bí mật cho nhiệm vụ, già như ông Năm và bà con cô bác có hói, anh em chỉ bảo ra sông câu cá lớn về liền hoan. Anh em xin ông Năm mấy cây cau già cao vút, chặt hạ rồi hí húi đục đẽo... Biết nguyên tắc hoạt động, ông không tỏ mò làm chi, chỉ vô tư ủng hộ rồi cầu trời khấn phật phù hộ độ trì cho anh em mạnh giỏi, hoàn thành công việc cách mạng giao cho.

Qua nhiều đêm điều tra, nghiên cứu kỹ lưỡng, cả tổ chọn được một vị trí bên vịnh sâu giáp xã Long Tân, theo luồng nước lớn đẩy vào để đặt thủy lôi. Cả ba anh em thay nhau lặn xuống tận đáy sông dùng tay, chân sản tạo rãnh bùn từ trái lồi đến bờ sông để chôn lấp những cây cau già đã được móc rỗng ruột, luồn dây điện điểm hòa vào trong.

Như thường lệ, trước khi đoàn tàu vận tải hành trình, Mỹ đều cho phi pháo đánh phá, sử dụng các tàu rà quét mìn chạy trước hai bên dọn đường với những móc sắt, răng cào sát mặt bùn đáy sông nhằm cắt đứt mọi dây điện điểm hòa thủy lôi. Dùng thân cây cau già, đục ruột, luồn dây điện, chôn xuống bùn chính là để chống lại các biện pháp kỹ thuật rà quét của tàu địch. Giải pháp kỹ thuật này được đặc công nước Rừng Sác nghiên cứu vận dụng đánh chắc thắng các đoàn tàu địch trên sông Lòng Tàu, làm như vậy khi móc sắt cắt dây điện kéo tới, nếu đụng phải, nó sẽ lặn tròn theo và trượt qua, bảo vệ được dây điểm hòa. Mọi công việc bố trí trận địa thủy lôi đánh tàu địch được hoàn tất trước khi trời sáng.

Một ngày cuối tháng 11-1967, sáng tinh mơ, gió trướng se se lạnh, những vạt lúa Long Tân chín cong trái me trái khắp vùng quê, có một số bà con ra đồng gặt lúa. Bỗng chiếc máy bay đêm già (L19) tí ti bay lướt, nghiêng trao nhòm ngó, tìm tòi từng kẽ lá hai bờ sông. Khi các tàu rà quét mìn di chuyển ngược lên thượng lưu thì từng tốp máy bay trực thăng quần đảo, xạc sát những lùm cây, gió cuốn nghiêng ngả. Những trận địa pháo thi nhau nã đạn vào những nơi chúng nghi ngờ lực lượng ta phục kích. Cả một vùng quê chấn động bởi phi pháo quần thủ. Cứ mỗi khi có tàu địch hành trình trên sông thì "bản nhạc" này lại tấu lên, trình diễn khoảng hơn nửa giờ, mãi rồi dần ở đây cũng thành quen, mặc kệ chúng, lại cây cuốc, lao động mưu sinh. Rồi từ phía Cát Lái vọng về tiếng máy tàu ì ầm. Một chiếc tàu lớn, kéo sau tám xà-lan trọng tải cả nghìn tấn/chiếc, chở khảm lử bom đạn, hai bên sườn đoàn xà-lan là bốn chiếc tàu chiến chở đầy lính Mỹ, súng pháo lăm lăm, xé nước ngược xuôi hộ tống bảo vệ đoàn tàu.

Các chiến sĩ đặc công nước bí mật phục chờ trong lùm cây lau sậy, một người sẵn sàng dùng súng B41 bắn yểm trợ và cũng phòng khi kịp trái nổ bị lép thì bắn thẳng vào đoàn xà-lan, kích cho bom đạn trên đó nổ. Một người làm nhiệm vụ điểm hỏa ở phía sau, cách mép sông khoảng 7 m lấy đầu đồng chí phía trước làm lộ tiêu ngắm đoàn tàu, sẵn sàng điểm hỏa. Căng thẳng tột độ, thời cơ đã đến, cả tổ nghiêng rặng, dồn hết tâm lực vào trận đánh, họ cùng nhau đếm một, hai, ba... Đánh!

Anh em chỉ kịp nghe tiếng nổ "ầm oàng" long trời lở đất, thật kinh khủng, nó không như tiếng nổ trầm đục trong trận đánh nhận chìm tàu Balon Rượ Victory chở đầy xe tăng, súng pháo, bom đạn; máy bay còn nguyên trong kiện ở ngã bảy Thiêng Lũng trên sông Lòng Tàu ngày 24-8-1966 - mà sau tiếng nổ là một cột nước khổng lồ dâng cao hàng trăm mét, vét cạn ló bùn cả một đoạn sông Đồng Nai do cùng một lúc cả chục nghìn tấn bom đạn phát nổ, phá toang và nhấn chìm cả tám chiếc xà-lan, một tàu kéo hạng nặng và bốn chiếc tàu chiến đấu cùng hàng trăm lính Mỹ xuống dòng sông sâu, không còn dấu vết của sự sống.

Chiếc máy bay trinh sát L19 đang bay phía trên đoàn xà-lan, bị bom đạn nổ văng cánh, đâm thẳng xuống sông. Sóng nước dâng cao như những ngọn sóng thần cán dạt những ruộng lúa rơi rớt không còn hạt nào dính vào bông. Sức công phá của hơn ngàn quả bom cả những mảnh

xác tàu, xà-lan vung vãi khắp cánh đồng. Một chị nông dân đang gặt lúa bị mảnh bom phang cụt một chân (hiện chị đang còn sống) và nhiều gia đình nhặt được mảnh xác tàu làm đe, đòn kê gia dụng. Chiến thắng này đã làm nức lòng quân, dân cả nước, nhưng các chiến sĩ đặc công nước anh hùng đã vĩnh viễn ra đi!

Sau trận đánh, Trung đoàn 10 Rừng Sác lại hối hả lao vào chuẩn bị cho tổng tiến công Tết Mậu Thân năm 1968. Ai cũng hy vọng anh em vẫn còn sống hoặc trở về đơn vị sau, hoặc tiếp tục chiến đấu ở bên Y4 biệt động, không có một thông tin, thông báo gì về sự còn mất của tổ đặc công nước đánh trận này.

Mãi về sau mới biết là cả tổ đều hy sinh, không ai còn thi hài nguyên vẹn do sức công phá lớn của bom đạn trên đoàn tàu địch. Địch thì xua quân càn quét, đánh phá liên miên cả tuần lễ. Nhiều căn nhà của dân bị chúng đốt cháy trụi. Nhà ông Năm chỉ còn lại một đống tro tàn, cả ba chiếc bông của các chiến sĩ đặc công nước cũng cháy hết, không còn một tấm hình, dòng thư hay kỷ vật. Sau này, một cơ sở đóng xà-lan mở xưởng góp vốn cùng xã Long Tân xây một ngôi đền thờ các chiến sĩ đặc công Rừng Sác và biệt động đã vì nước hy sinh nơi đây. Ngôi đền không lớn nhưng thiêng liêng. Đó là đền Long Tân thuộc xã Long Tân, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

TRỊNH VĂN DŨNG